

**BAN CHỈ ĐẠO ĐỔI MỚI
VÀ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP**

Số: 150 /BC-BĐMDN

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 29 tháng 9 năm 2015

BÁO CÁO
Tình hình thực hiện tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước
9 tháng đầu năm 2015



Kính gửi:

- Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ.

Thường trực Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp xin báo cáo tình hình thực hiện tái cơ cấu DNNN 9 tháng đầu năm 2015, như sau:

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN

1. Về hoàn thiện cơ chế, chính sách

Theo Chương trình công tác năm 2015, các bộ phải xây dựng đề trình Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ ban hành 21 Nghị định, Quyết định và Đề án thuộc lĩnh vực sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp. Tình hình thực hiện như sau:

a) Các văn bản đã được ban hành:

- Về sắp xếp, đổi mới DNNN (4 Nghị định và Quyết định):

+ Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22/7/2015 thay thế Nghị định số 91/2010/NĐ-CP ngày 28/10/2010 quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

+ Nghị định số 69/2015/NĐ-CP ngày 25/8/2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 175/2013/NĐ-CP ngày 13/11/2013 về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam;

+ Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần.

+ Quyết định số 41/2015/QĐ-TTg ngày 15/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ về bán cổ phần theo lô.

- Về hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp (2 Nghị định):

+ Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

+ Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18/9/2015 của Chính phủ về công bố thông tin của công ty TNHH một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

b) Cơ quan chủ trì soạn thảo đã tiếp thu ý kiến Thành viên Chính phủ, hoàn chỉnh dự thảo và trình Thủ tướng Chính phủ ký ban hành, VPCP đang trình Phó Thủ tướng Vũ Văn Ninh 2 Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp:

+ Dự thảo Nghị định quy định về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước tại doanh nghiệp.

+ Dự thảo Nghị định về giám sát, đánh giá hiệu quả công khai thông tin về hoạt động của doanh nghiệp.

c) Thành viên Chính phủ đã cho ý kiến và VPCP đã chuyển cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp thu, hoàn chỉnh dự thảo, trình Thủ tướng ký ban hành 2 Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp:

+ Dự thảo Nghị định Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp;

+ Dự thảo Nghị định Tổ chức quản lý và hoạt động của DNNN trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh.

d) Các Bộ đã trình và VPCP đang thẩm tra đề trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ (3 Dự thảo Nghị định và Báo cáo):

- Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 59/2011/NĐ-CP và Nghị định số 189/2013/NĐ-CP về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần (Bộ Tài chính trình).

- Dự thảo Nghị định về ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (Bộ Thông tin và Truyền thông đã trình nhưng Dự thảo chưa có ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp và báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của cơ quan soạn thảo nên Phó Thủ tướng Vũ Văn Ninh đang yêu cầu bổ sung đầy đủ Hồ sơ trình).

- Báo cáo rà soát các tổng công ty nhà nước theo điều kiện, tiêu chí quy định tại Nghị định số 69/2014/NĐ-CP ngày 15/7/2015 của Chính phủ về tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước.

2. Kết quả thực hiện tái cơ cấu, sắp xếp, cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp

a) Tái cơ cấu DNNN

Các Bộ, ngành, địa phương, tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước đã triển khai thực hiện các đề án tái cơ cấu DNNN đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; phê duyệt và chỉ đạo thực hiện các đề án tái cơ cấu các doanh nghiệp trực thuộc. Trong đó, tập trung vào sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện hệ thống quy chế quản lý nội bộ; sắp xếp lại cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý, điều hành; tăng cường công tác kiểm soát nội bộ; sắp xếp lại các doanh nghiệp cấp IV (đối với các tập đoàn kinh tế).

b) Sắp xếp, cổ phần hóa

Đến nay, 289 doanh nghiệp được cổ phần hóa năm 2015 đều đã thành lập Ban chỉ đạo. Trong đó: 109 doanh nghiệp đã được phê duyệt phương án cổ phần hóa, tăng 14 doanh nghiệp so với 8 tháng đầu năm; 70 doanh nghiệp đã có quyết định công bố giá trị doanh nghiệp (tăng 5 doanh nghiệp), 110 doanh nghiệp đang tiến hành xác định giá trị doanh nghiệp.

Mặc dù trong 9 tháng đầu năm mới hoàn thành cổ phần hóa được 109 doanh nghiệp nhưng dự kiến năm 2015 cổ phần hóa được 200/289 doanh nghiệp. Trong quý III/2015, đa số các doanh nghiệp còn lại sẽ có quyết định công bố giá trị doanh nghiệp, bước quan trọng nhất trong quy trình cổ phần hóa doanh nghiệp.

Theo báo cáo của các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp và theo dõi của Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp có 89 doanh nghiệp có nhiều khả năng không hoàn thành cổ phần hóa trong năm 2015. Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp đã gửi văn bản đến từng cơ quan quản lý của 89 doanh nghiệp nêu trên đề nghị làm rõ nguyên nhân, trách nhiệm của tập thể, cá nhân trong việc chậm trễ thực hiện cổ phần hóa và đề xuất các giải pháp tháo gỡ.

Những đơn vị đạt kết quả nổi trội là: Thành phố Hà Nội (24 doanh nghiệp), Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (6 doanh nghiệp), Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (6 doanh nghiệp), thành phố Hải Phòng (6 doanh nghiệp), Bộ Giao thông vận tải (5 doanh nghiệp), Nghệ An (4 doanh nghiệp).

11 doanh nghiệp thực hiện sắp xếp theo các hình thức khác gồm: 7 doanh nghiệp đã thực hiện bán, giải thể, sáp nhập; 4 doanh nghiệp chuyển thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

c) Thoái vốn nhà nước

Đến 28/9/2015, cả nước thoái được 8.688 tỷ đồng, thu về 12.789 tỷ đồng, bằng 1,47 lần giá trị sổ sách. Trong đó, lĩnh vực bất động sản là 2.690 tỷ đồng thu về 3.177 tỷ đồng; lĩnh vực bảo hiểm, chứng khoán, tài chính, ngân hàng là 1.360 tỷ đồng thu về 1.411 tỷ đồng; bán phần vốn nhà nước không cần nắm giữ tại các doanh nghiệp khác là 4.638 tỷ đồng thu về 8.201 tỷ đồng.

Như vậy, so với 9 tháng đầu năm 2014 (thoái được 3.488 tỷ đồng), kết quả thoái vốn về giá trị theo sổ sách tăng 149%.

Các đơn vị thoái vốn đạt kết quả tốt là: Tập đoàn Viễn thông Quân đội (thoái 2.655 tỷ đồng, thu về 3.169 tỷ đồng), Tổng công ty Hàng hải Việt Nam (thoái 918 tỷ đồng, thu về 1.256 tỷ đồng), Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (thoái 1051 tỷ đồng thu về 2.824 tỷ đồng), Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (thoái 362 tỷ đồng, thu về 1.122 tỷ đồng).

d) Bán đấu giá cổ phần lần đầu

Theo báo cáo của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, đến hết ngày 27/8/2015 có 70 doanh nghiệp cổ phần hóa bán đấu giá cổ phần lần đầu (IPO) ra công chúng tại Sở giao dịch chứng khoán và các công ty chứng khoán với tổng số lượng cổ phần chào bán là 734.571.659 cổ phiếu, trị giá 7.345,7 tỷ đồng. Số cổ phiếu bán được là 232.113.993 cổ phiếu, đạt 31,6% tổng số lượng cổ phần chào bán.

Trong tổng số 70 doanh nghiệp IPO có 40 doanh nghiệp bán đạt 99% tổng số cổ phần chào bán.

đ) Tình hình xử lý những vướng mắc, kiến nghị của các Bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp đã chuyển 23 vướng mắc, kiến nghị của 16 Bộ, ngành, địa phương, tập đoàn kinh tế nêu tại báo cáo tái cơ cấu DNNN 8 tháng đầu năm 2015 đến các Bộ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nghiên cứu xử lý, trả lời theo thẩm quyền và báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện.

3. Về rà soát, bổ sung doanh nghiệp cần cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước năm 2015 và Phương án tổng thể sắp xếp doanh nghiệp nhà nước giai đoạn 2016 - 2020

Đến nay đã có 27 Bộ, ngành, địa phương, tập đoàn kinh tế trình và được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch bổ sung.

- Bổ sung kế hoạch thực hiện trong năm 2015: 143 doanh nghiệp cổ phần hóa; 19 doanh nghiệp giải thể, phá sản; 12 doanh nghiệp giao, bán; 8 doanh nghiệp sáp nhập, hợp nhất và 2 doanh nghiệp chuyển thành đơn vị sự nghiệp.

- Đưa vào kế hoạch thực hiện trong giai đoạn 2016 - 2020: 122 doanh nghiệp cổ phần hóa; 2 doanh nghiệp sáp nhập, hợp nhất.

4. Về triển khai Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 của Chính phủ về sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp

- Về việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật:

Đã cơ bản hoàn thành việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật để triển khai Nghị định số 118/2014/NĐ-CP. Tính đến ngày 28/9/2015, đã ban hành 11/15 văn bản (1 Nghị định và 10 Thông tư), cụ thể là: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (3 Thông tư), Bộ Tài nguyên và Môi trường (1 Thông tư), Bộ Tài chính (4 Thông tư), liên Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Tài chính (1 Thông tư), Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (1 Thông tư), Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (1 Nghị định). Còn 4 văn bản chưa được ban hành: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (3 văn bản), Bộ Kế hoạch và Đầu tư (1 văn bản).

- Về thẩm định, phê duyệt phương án sắp xếp công ty nông nghiệp, lâm nghiệp:

Tính đến ngày 28/9/2015, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tổ chức thẩm định phương án tổng thể sắp xếp các công ty nông, lâm nghiệp của 29/36 địa phương với tổng số 153 công ty nông, lâm nghiệp và Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam, Tổng công ty Cà phê với tổng số 49 công ty nông, lâm nghiệp. Sau khi tiếp thu ý kiến thẩm định, 23 địa phương và Tập đoàn Công nghiệp Cao su đã trình Thủ tướng Chính phủ phương án tổng thể.

Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt phương án tổng thể sắp xếp các công ty nông, lâm nghiệp của 12 đơn vị: Kiên Giang, Khánh Hòa, Quảng Ninh, Lạng Sơn, Tây Ninh, Bình Dương, Vĩnh Phúc, Bình Định, Quảng Bình, Bộ Quốc phòng, Tổng công ty Giấy Việt Nam, Tổng công ty Lâm nghiệp. Trong đó, 11 doanh nghiệp duy trì 100% vốn nhà nước, thực hiện nhiệm vụ sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích; 21 doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa; 2 doanh nghiệp chuyển thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

Văn phòng Chính phủ đang thẩm tra, trình Thủ tướng Chính phủ phương án tổng thể sắp xếp các công ty nông, lâm nghiệp của Đắk Lắk, Đắk Nông, Gia Lai, Kon Tum, Bình Thuận, Thanh Hóa.

Hiện còn 8 địa phương chưa gửi Phương án tổng thể để Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định, gồm: Tuyên Quang, Nam Định, Thái Nguyên, Bắc Giang, Thừa Thiên - Huế, Ninh Thuận, thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng.

II. NHỮNG TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Tồn tại, hạn chế

Việc ban hành cơ chế, chính sách về đổi mới tổ chức quản lý và tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước chưa đạt tiến độ đề ra. 7/11 văn bản quy phạm pháp luật, đề án theo chương trình công tác phải trình trong 9 tháng đầu năm 2015, các Bộ chủ trì đều trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chậm so với kế hoạch.

Một số cơ chế, chính sách để giải quyết những vướng mắc trong xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa, trong thoái vốn nhà nước đầu tư ngoài ngành kinh doanh chính, bán vốn nhà nước tại công ty cổ phần Nhà nước không cần nắm giữ,... tuy được chỉ đạo quyết liệt và đến nay đã được ban hành nhưng quá chậm so với yêu cầu tháo gỡ khó khăn, vướng mắc để đẩy nhanh tiến trình tái cơ cấu DNNN.

Tiến độ thực hiện tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước tuy đã được đẩy nhanh nhưng số lượng doanh nghiệp phải hoàn thành cổ phần hóa trong 3 tháng cuối năm còn khá nhiều. Số vốn các tập đoàn, tổng công ty còn phải thoái khỏi các lĩnh vực: bất động sản, bảo hiểm, chứng khoán, tài chính, ngân hàng từ nay đến cuối năm vẫn còn khoảng 80% tổng số vốn phải thoái. Điều này đòi hỏi các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp cần quyết tâm và nỗ lực hơn nữa để hoàn thành nhiệm vụ đề ra.

2. Nguyên nhân

Các bộ, ngành chưa tập trung cho việc ban hành cơ chế, chính sách theo đúng kế hoạch đã đề ra; việc bổ sung, sửa đổi cơ chế, chính sách để tháo gỡ những vướng mắc phát sinh trong thực tiễn chưa kịp thời (việc bán cổ phần theo lô và các nội dung liên quan đến xử lý tài chính khi cổ phần hóa đã được Chính phủ quyết nghị tại Nghị quyết số 40/NQ-CP ngày 01/6/2015 chậm được thể chế hóa thành quy định pháp lý để áp dụng do vướng về trình tự, thủ tục xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật). Một số bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp chưa thật sát sao, quyết liệt trong chỉ đạo và triển khai thực hiện phương án sắp xếp, cổ phần hóa, thoái vốn đã được phê duyệt.

Về khách quan, những biến động của thị trường tài chính, chứng khoán quốc tế thời gian vừa qua và những khó khăn của kinh tế trong nước đã ảnh hưởng đến thị trường tài chính, chứng khoán và việc bán cổ phần, thoái vốn nhà nước (bình quân 9 tháng năm 2015 số cổ phiếu IPO chỉ đạt 31,6% tổng số cổ

phần chào bán). Nhiều doanh nghiệp thực hiện sắp xếp, cổ phần hóa giai đoạn hiện nay có quy mô lớn, phạm vi hoạt động rộng, tình hình tài chính phức tạp, việc xử lý công nợ, xử lý tài chính, phương án sử dụng đất trong quá trình xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa; việc lựa chọn cổ đông chiến lược... cần có nhiều thời gian để chuẩn bị, xử lý.

III. KIẾN NGHỊ

Để thực hiện được nhiệm vụ, kế hoạch tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước năm 2015, Thường trực Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp kiến nghị Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo:

1. Khẩn trương hoàn thiện cơ chế, chính sách về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp theo kế hoạch

- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính khẩn trương tiếp thu, giải trình ý kiến thành viên Chính phủ để hoàn thiện dự thảo 2 Nghị định hướng dẫn Luật Doanh nghiệp 2014 (Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp và Tổ chức quản lý và hoạt động của DNNN trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh) trình Thủ tướng Chính phủ ký ban hành.

- Các Bộ, ngành, địa phương khẩn trương ban hành hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động và Quy chế quản lý tài chính của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước theo quy định của Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư năm 2014 trước ngày 01 tháng 01 năm 2016.

- Các Bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư ban hành hoặc trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành 4 văn bản còn lại hướng dẫn thực hiện Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 của Chính phủ về sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Thủ tướng Chính phủ trong tháng 10/2015:

+ Dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 37/2014/QĐ-TTg ngày 18/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành tiêu chí, danh mục DNNN.

+ Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành tiêu chí phân loại đơn vị sự nghiệp công lập.

- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại đơn vị sự nghiệp công lập trước ngày 15/9/2015.

2. Các bộ, ngành, địa phương, tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước

- Tập trung thực hiện các giải pháp để đẩy nhanh tiến độ sắp xếp, cổ phần hóa, trong đó tập trung vào 89 doanh nghiệp thuộc diện khó hoàn thành cổ phần hóa theo đúng kế hoạch năm 2015. Xác định nguyên nhân và trách nhiệm cá nhân, tập thể không hoàn thành kế hoạch cổ phần hóa các doanh nghiệp này, đề xuất giải pháp tháo gỡ khó khăn.

- Tiếp tục rà soát theo tiêu chí, danh mục phân loại doanh nghiệp nhà nước tại Quyết định số 37/2014/QĐ-TTg ngày 18/6/2015, trình Thủ tướng Chính phủ bổ sung kế hoạch sắp xếp doanh nghiệp nhà nước để thực hiện ngay hoặc thực hiện trong giai đoạn tới.

- Trước ngày 15/10/2015, 8 địa phương chưa có phương án khẩn trương xây dựng phương án tổng thể sắp xếp các công ty nông, lâm nghiệp trực thuộc, báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Rà soát, phân loại đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc đủ điều kiện chuyển thành công ty cổ phần trình Thủ tướng Chính phủ hoặc báo cáo Bộ quản lý ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (đối với các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước) để trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi trước ngày 01/11/2015.

3. Trong tháng 10 năm 2015, Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ quản lý ngành, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước tiến hành rà soát, phân loại và lập phương án thoái vốn tổng thể đối với số vốn các tập đoàn, tổng công ty nhà nước đã đầu tư vào các lĩnh vực: bất động sản, bảo hiểm, chứng khoán, tài chính, ngân hàng, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, cho ý kiến chỉ đạo.

4. Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tăng cường kiểm tra, đôn đốc, giám sát các bộ, ngành, địa phương, tập đoàn, tổng công ty nhà nước trong việc thực hiện tái cơ cấu, cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước cùng với thực hiện nhiệm vụ sản xuất - kinh doanh được giao; tổng hợp vướng mắc, khó khăn của các Bộ, ngành địa phương, doanh nghiệp trong thực hiện tái cơ cấu để chuyển các cơ quan xử lý, giải quyết theo thẩm quyền.

5. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp tổng kết công tác sắp xếp, tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước giai đoạn 2011 - 2015, xây dựng phương án tổng thể cho giai đoạn 2016 - 2020.

6. Tăng cường và chủ động công tác thông tin, tuyên truyền, tạo sự đồng thuận, nhất trí cao giữa các ngành, các cấp, các doanh nghiệp, nhân dân trong

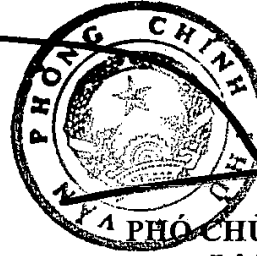
thực hiện nhiệm vụ tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, góp phần thực hiện thắng lợi kế hoạch tái cơ cấu nền kinh tế giai đoạn 2011-2015 đã đề ra.

Thường trực Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp kính báo cáo Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ./'

Nơi nhận:

- Như trên;
- VPCP: BTCN, PCN Lê Mạnh Hà, các Vụ: TH, TKBT, KTTH;
- Lưu: BĐMDN (3) /5

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN THƯỜNG TRỰC



PHÓ CHỦ NHIỆM VPCP
Lê Mạnh Hà



Phụ lục I

TÌNH HÌNH XÂY DỰNG VÀ BAN HÀNH CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH VỀ ĐỔI MỚI VÀ PHÁT TRIỂN QUẢN LÝ VÀ TÀI CƠ CẤU DNNN NĂM 2015

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 150/BC-BĐMDN ngày 29 tháng 9 năm 2015 của Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp)

| Stt | Tên Nghị định, Quyết định, Đề án | Cơ quan soạn thảo | Thời gian phải trình | Tình hình thực hiện |
|-----|--|------------------------------------|----------------------|--|
| 1 | Quyết định của Thủ tướng CP về chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần | Bộ Tài chính | Tháng 9/2014 | Đã ban hành, Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22/6/2015. |
| 2 | Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 175/2013/NĐ-CP ngày 13/11/2013 của Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động của TCT Đường sắt VN | Bộ Giao thông vận tải | Tháng 12/2014 | Đã ban hành. Nghị định số 69/2015/NĐ-CP ngày 16/8/2015 |
| 3 | Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 91/2010/NĐ-CP ngày 28/10/2010 của CP quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu | Bộ Lao động - Thương binh & Xã hội | Tháng 01/2015 | Đã ban hành, Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22/7/2015 |
| 4 | Dự thảo Nghị định về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Bru chính viễn thông VN | Bộ Thông tin & Truyền thông | Tháng 3/2015 | Chưa trình |
| 5 | Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp (sửa đổi) | Bộ Kế hoạch & Đầu tư | Tháng 5/2015 | Bộ trình tháng 6/2015. VPCP đã gửi lại Bộ đề tiếp thu ý kiến TVCP |
| 6 | Nghị định về đăng ký doanh nghiệp | Bộ Kế hoạch & Đầu tư | Tháng 5/2015 | Đã ban hành, Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 |
| 7 | Nghị định về công bố thông tin của công ty TNHH 1 TV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (thay thế QĐ số 36/2014/QĐ-TTg ngày 18/6/2014 của TTg CP) | Bộ Kế hoạch & Đầu tư | Tháng 5/2015 | Đã ban hành, Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18/9/2015 |
| 8 | Nghị định về tổ chức quản lý và hoạt động của DNNN trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh hoặc kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh (thay thế Nghị định số 104/2010/NĐ-CP ngày 11/10/2010) | Bộ Kế hoạch & Đầu tư | Tháng 5/2015 | Bộ trình tháng 6/2015. VPCP đã gửi lại Bộ đề tiếp thu ý kiến TVCP |
| 9 | Nghị định quy định về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp | Bộ Tài chính | Tháng 5/2015 | Bộ trình tháng 6/2015. Bộ đã tiếp thu ý kiến TVCP và trình lại, VPCP đang trình PTTg |
| 10 | Nghị định về giám sát, đánh giá hiệu quả công khai thông tin về hoạt động của doanh nghiệp | Bộ Tài chính | Tháng 5/2015 | Bộ trình tháng 7/2015. Bộ đã tiếp thu ý kiến TVCP và trình lại, VPCP đang trình PTTg |

| | | | | |
|----|---|------------------------------------|---------------|---|
| 11 | Báo cáo rà soát các tổng công ty nhà nước theo điều kiện, tiêu chí quy định tại Nghị định số 69/2014/NĐ-CP ngày 15/7/2014 của Chính phủ | Bộ Kế hoạch & Đầu tư | Tháng 6/2015 | Bộ trình tháng 6/2015. VPCP đã lấy ý kiến các Bộ liên quan, đang xử lý theo quy trình |
| 12 | Nghị định ban hành Quy chế quản trị công ty TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu (bao gồm cả nội dung sửa đổi Nghị định số 25/2010/NĐ-CP) | Bộ Kế hoạch & Đầu tư | Tháng 6/2015 | Bộ xin rút khỏi Chương trình công tác 2015. |
| 13 | Quyết định của Thủ tướng CP về bán cổ phần theo lô | Bộ Tài chính | Tháng 6/2015 | Đã ban hành. Quyết định số 41/2015/QĐ-TTg |
| 14 | Đề án thi tuyển, hợp đồng có thời hạn tùy thuộc vào kết quả sản xuất, kinh doanh đối với Tổng giám đốc (GD) trong doanh nghiệp 100% vốn nhà nước | Bộ Nội vụ | Tháng 8/2015 | Chưa trình |
| 15 | Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 59/2011/NĐ-CP và Nghị định số 189/2013/NĐ-CP về chuyển DN 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần | Bộ Tài chính | Tháng 8/2015 | Bộ trình tháng 9/2015. VPCP đang xử lý theo quy trình |
| 16 | Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 37/2014/QĐ-TTg ngày 18/6/2014 của TTg CP về ban hành tiêu chí, danh mục phân loại DNNN | Bộ Kế hoạch & Đầu tư | Tháng 9/2015 | Chưa trình |
| 17 | Nghị định quy định chế độ tiền lương, tiền thưởng đối với doanh nghiệp Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ | Bộ Lao động - Thương binh & Xã hội | Tháng 9/2015 | Chưa trình |
| 18 | Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 51/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của CP quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với thành viên HĐQT hoặc Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc hoặc GD, Phó Tổng giám đốc hoặc PGD, Kế toán trưởng trong công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu | Bộ Lao động - Thương binh & Xã hội | Tháng 9/2015 | Chưa trình |
| 19 | Báo cáo đánh giá sơ kết việc thực hiện Nghị định 99/2012/NĐ-CP ngày 15/11/2012 và Đề xuất mô hình tổ chức thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu nhà nước trên cơ sở tách bạch chức năng quản lý nhà nước với chức năng đại diện chủ sở hữu | Bộ Kế hoạch & Đầu tư | Tháng 9/2015 | Chưa trình |
| 20 | Xây dựng khung pháp lý về quản lý và giám sát các tập đoàn tài chính Việt Nam trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế | Bộ Kế hoạch & Đầu tư | Tháng 12/2015 | |
| 21 | Nghị định ban hành quy chế giám sát việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu Nhà nước đối với DNNN | Bộ Kế hoạch & Đầu tư | Tháng 12/2015 | |

Phụ lục II
VỀ MỘT SỐ VĂN BẢN TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH 118/2014/NĐ-CP
NGÀY 17/12/2014 CỦA CHÍNH PHỦ

| TT | Nội dung công việc | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời gian thực hiện | Hình thức văn bản | Ghi chú |
|----|---|---|--|---------------------|-----------------------------|-------------|
| 1 | Hướng dẫn các Bộ, ngành, địa phương, Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước xây dựng phương án tổng thể về sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp. | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Nội vụ, Lao động - Thương binh và Xã hội; các địa phương, doanh nghiệp. | Quý III năm 2014 | Thông tư hướng dẫn. | Đã ban hành |
| 2 | Hướng dẫn việc quản lý, sử dụng đất đai khi sắp xếp, đổi mới và phát triển nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp (Rà soát, đo đạc, lập bản đồ, cấp giấy CNQSD đất, ký hợp đồng thuê đất, xử lý các trường hợp vi phạm về quản lý sử dụng đất). | Bộ Tài nguyên và Môi trường | các Bộ, ngành, địa phương, công ty nông, lâm nghiệp. | Quý III năm 2014 | Thông tư hướng dẫn. | Đã ban hành |
| | Hướng dẫn cơ chế, chính sách tài chính trong sắp xếp, đổi mới và phát triển nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp. | Bộ Tài chính | các Bộ: Nông nghiệp & PTNT, Kế hoạch và Đầu tư, các địa phương, công ty nông, lâm nghiệp. | Quý III năm 2014 | Thông tư hướng dẫn. | Đã ban hành |
| 4 | Việc xác định giá trị tài sản, vườn cây, rừng trồng, đàn gia súc để xác định giá trị doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa. | Bộ Nông nghiệp và Phát triển NT phối hợp Bộ Tài chính | Các Bộ, ngành liên quan, các địa phương, công ty nông, lâm nghiệp. | Quý III năm 2014 | Thông tư Liên Bộ hướng dẫn. | Đã ban hành |

| | | | | | | |
|---|--|---|--|------------------|---------------------|----------------------------------|
| 5 | Hướng dẫn về cơ chế tài chính đặc thù trong các công ty nông, lâm nghiệp. | Bộ Tài chính | các Bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, địa phương, công ty nông, lâm nghiệp. | Quý III năm 2014 | Thông tư hướng dẫn. | Đã ban hành |
| 6 | Kinh phí thực hiện việc rà soát, đo đạc, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các công ty nông, lâm nghiệp. | Bộ Tài chính | Bộ: Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và PTNT, địa phương, công ty nông, lâm nghiệp. | Quý III năm 2014 | | Đã có văn bản chỉ đạo, hướng dẫn |
| 7 | Điều chỉnh, bổ sung phương pháp xác định giá thuê đất đối với đất sản xuất nông, lâm nghiệp; nghiên cứu kiến nghị việc giảm thuế suất và để lại thuế tài nguyên với gỗ khai thác từ rừng tự nhiên. | Bộ Tài chính | Các Bộ: Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, địa phương, công ty nông, lâm nghiệp. | Quý III năm 2014 | Thông tư hướng dẫn | Đã ban hành |
| 8 | Việc thực hiện quản lý rừng bền vững, cấp chứng chỉ rừng quốc tế về quản lý rừng bền vững đối với rừng sản xuất là rừng tự nhiên. | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp, Bộ, ngành liên quan, địa phương, đơn vị. | Quý IV năm 2014 | Thông tư hướng dẫn | Đã ban hành |
| 9 | Hướng dẫn đơn giá sản xuất và cung ứng sản phẩm công ích để làm căn cứ đặt hàng, giao kế hoạch. | Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính | các Bộ: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, địa phương, đơn vị. | Quý III năm 2014 | Thông tư | Chưa trình |

| | | | | | | |
|----|---|--|--|-----------------|--------------------------------|-------------|
| 10 | Việc cải tạo rừng sản xuất là rừng tự nhiên nghèo kiệt không có khả năng phục hồi để trồng rừng hoặc trồng cây công nghiệp hiệu quả hơn. | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp, Bộ Tài nguyên và Môi trường, địa phương, đơn vị. | Quý IV năm 2014 | Thông tư hướng dẫn | Đã ban hành |
| 11 | Chính sách đầu tư, hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng, khuyến khích thu hút đầu tư, đặt hàng, giao nhiệm vụ công ích đối với công ty Nông, lâm nghiệp. | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | các Bộ: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, địa phương, đơn vị. | Quý IV năm 2014 | Quyết định Thủ tướng Chính phủ | Chưa trình |
| 12 | Chính sách thực hiện chế độ lao động dôi dư trong khi sắp xếp, chuyển đổi công ty nông lâm nghiệp; chính sách, chế độ lao động, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đối với cán bộ, công nhân và người lao động không hưởng lương từ công ty do hợp đồng nhận khoán. | Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội | Các Bộ, ngành, địa phương, đơn vị. | Quý IV năm 2014 | Nghị định Của Chính phủ | Đã ban hành |
| 13 | Chính sách khuyến khích việc chuyển giao ứng dụng các tiến bộ, khoa học và công nghệ về giống mới, phân bón, cơ giới hóa, công nghệ sinh học, công nghệ sau thu hoạch và chế biến... | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Bộ Khoa học và Công nghệ, Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp; các Bộ, ngành, địa phương, đơn vị. | Quý IV năm 2014 | Thông tư | Chưa trình |

| | | | | | | |
|----|--|--|--|-----------------|--|-------------|
| 14 | Sửa đổi, bổ sung các hình thức giao khoán, vườn cây, rừng, đất rừng trong công ty nông, lâm nghiệp, Ban quản lý rừng. | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | các Bộ: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, địa phương, đơn vị. | Quy IV năm 2014 | Quyết định Thủ tướng Chính phủ; thông tư hướng dẫn | Chưa trình |
| 15 | Hướng dẫn xử lý các khoản vay nợ cũ của các công ty nông, lâm nghiệp; đề xuất xử lý các khoản nợ cũ kể cả nợ gốc, nợ lãi.. | Ngân hàng Nhà nước | Các bộ : Tài chính, nông nghiệp, KH&ĐT | | Thông tư; | Đã ban hành |

Phụ lục III
DANH SÁCH DNNN ĐÃ CÓ QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT
PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA NĂM 2015
(tính đến ngày 25/09/2015)

| STT | Tên doanh nghiệp | Cơ quan chủ sở hữu | Cơ cấu vốn Điều lệ (theo Phương án CPH) | | |
|-----|--|---------------------------------------|---|------------------------|--------------------------|
| | | | Vốn Điều lệ Công ty CP (tỷ đồng) | Tỷ lệ vốn Nhà nước (%) | Ghi chú |
| 1 | Công ty TNHH MTV 36.55 | Bộ Quốc phòng | 30,00 | 30,00 | |
| 2 | Công ty TNHH MTV Trường An | Bộ Quốc phòng | 145,00 | 30,00 | |
| 3 | Công ty Trung tâm Hội chợ triển lãm Việt Nam | Bộ Văn hoá, TT và DL | 1.600,00 | 10,00 | |
| 4 | Công ty Hãng phim Giải phóng | Bộ Văn hoá, TT và DL | 203,49 | 40,00 | |
| 5 | Công ty Du lịch và Xúc tiến đầu tư | Bộ Văn hoá, TT và DL | 74,98 | 10,00 | |
| 6 | Công ty Công nghệ và Truyền hình | Bộ Văn hoá, TT và DL | 40,04 | 43,58 | |
| 7 | Công ty Xuất nhập khẩu ngành In | Bộ Văn hoá, TT và DL | | | CV bảo cáo |
| 8 | Công ty In Trần Phú | Bộ Văn hoá, TT và DL | | | CV bảo cáo |
| 9 | Công ty Xuất nhập khẩu và hợp tác đầu tư GTVT Hà Nội | Bộ Giao thông VT | 6,00 | 30,00 | |
| 10 | Xi nghiệp thi công cơ giới và dịch vụ hàng hải miền Bắc | Bộ Giao thông VT | 16,66 | 49,00 | Hạch toán phụ thuộc |
| 11 | Công ty TNHH MTV Xây dựng CTGT 875 | Bộ Giao thông VT | | | CPH cùng công ty mẹ |
| 12 | Công ty Cơ khí ô tô và Thiết bị điện Đà Nẵng | Bộ Giao thông VT | | | CPH cùng công ty mẹ |
| 13 | Công ty Cung ứng nhân lực quốc tế và thương mại | Bộ Lao động TBXH | 97,30 | 75,00 | |
| 14 | Công ty Xuất khẩu lao động thương mại và du lịch | Bộ Lao động TBXH | 32,71 | 75,00 | |
| 15 | Tổng công ty Chế VN | Bộ NN&PTNT | 170,00 | 0,00 | Tổng công ty |
| 16 | Tổng công ty Rau quả Nông sản | Bộ NN&PTNT | 713,00 | 0,00 | Tổng công ty |
| 17 | Công ty xây dựng và chuyển giao công nghệ Thủy lợi (thuộc Viện khoa học Thủy lợi) | Bộ NN&PTNT | 8,00 | 36,00 | |
| 18 | Bệnh viện Giao thông vận tải TW | Bộ Giao thông VT | 168,00 | 30,00 | |
| 19 | Công ty Dược phẩm Trung ương 1 | Bộ Y tế | 209,00 | 65,00 | |
| 20 | Công ty Dược phẩm Trung ương 2 | Bộ Y tế | 182,70 | 65,00 | |
| 21 | Tổng công ty Lắp máy Việt Nam | Bộ Xây dựng | 1.500,00 | 51,00 | Tổng công ty |
| 22 | Công ty TNHH MTV In Tài chính | Bộ Tài chính | 300,00 | 49,00 | |
| 23 | Công ty TNHH MTV Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa chất | TĐ Hóa chất | 77,00 | 25,00 | |
| 24 | Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc | TĐ Hóa chất | 2.722,00 | 64,00 | |
| 25 | Tổng công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc | TĐ CN Than và KS | 1.050,00 | 75,00 | Tổng công ty |
| 26 | Tổng công ty Khoáng sản | TĐ CN Than và KS | 2.000,00 | 75,00 | Tổng công ty |
| 27 | Tổng công ty Điện lực | TĐ CN Than và KS | 6.800,00 | 65,00 | Tổng công ty |
| 28 | Công ty TNHH MTV Phát triển Công nghệ và Thiết bị Mỏ | TĐ CN Than và KS | 3,32 | 36,00 | |
| 29 | Công ty TNHH MTV Cơ khí đóng tàu | TĐ CN Than và KS | 23,00 | 26,72 | |
| 30 | Công ty Xây lắp Môi trường Nhân Cơ - Vinacomin | TĐ CN Than và KS | | | CV bảo cáo, hạch toán PT |
| 31 | Công ty TNHH MTV Cảng Sài Gòn | TCT Hàng hải VN | 2.162,95 | 64,00 | |
| 32 | Công ty TNHH MTV Cảng Cam Ranh | TCT Hàng hải VN | 264,52 | 51,00 | |
| 33 | Công ty TNHH MTV Thương mại, Du lịch và Dịch vụ Tổng hợp Điện Biên | TCT Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước | 15,35 | 51,00 | |
| 34 | Công ty Cấp thoát nước Bắc Giang | Bắc Giang | 244,01 | 64,36 | |
| 35 | Công ty Quản lý và XD đường bộ | Bắc Giang | 7,67 | 77,66 | |
| 36 | Công ty Quản lý và XDGT Bắc Ninh | Bắc Ninh | 6,98 | 75,64 | |
| 37 | Công ty Môi trường đô thị Đà Nẵng | Đà Nẵng | 57,74 | 51,00 | |
| 38 | Công ty TNHH MTV Du lịch dịch vụ Hà Nội | Hà Nội | 748,00 | 45,00 | |
| 39 | Công ty TNHH MTV Thăng Long GTC | Hà Nội | 1.228,00 | 45,00 | |
| 40 | Công ty TNHH MTV Nước sạch số 2 | Hà Nội | 568,00 | 65,00 | |
| 41 | Công ty TNHH MTV Địa chính Hà Nội | Hà Nội | 28,80 | 51,00 | |
| 42 | Công ty TNHH MTV Khảo sát và Đo đạc Hà Nội | Hà Nội | 20,00 | 35,00 | |
| 43 | Công ty TNHH MTV Xuân Hoà | Hà Nội | 201,00 | 40,00 | |
| 44 | Xi nghiệp Xe điện Hà Nội | Hà Nội | 55,00 | 51,00 | Hạch toán phụ thuộc |
| 45 | Xi nghiệp Vận tải du lịch Hà Nội | Hà Nội | 85,00 | 49,00 | Hạch toán phụ thuộc |
| 46 | Công ty TNHH MTV Dịch vụ, xuất nhập khẩu nông sản Hà Nội | Hà Nội | 40,00 | 30,00 | |
| 47 | Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư Hà Nội | Hà Nội | 20,00 | 0,00 | |
| 48 | Công ty TNHH MTV Điện cơ Thống Nhất | Hà Nội | 143,00 | 45,00 | |
| 49 | Công ty TNHH MTV Giấy Thương Đình | Hà Nội | 93,00 | 36,00 | |
| 50 | Công ty TNHH MTV Sách và Thương mại Hà Nội | Hà Nội | 155,00 | 36,00 | |
| 51 | Công ty TNHH MTV Sách Thiết bị và Xây dựng trường học Hà Nội | Hà Nội | 20,00 | 36,00 | |
| 52 | Công ty Xây dựng và Ứng dụng công nghệ mới | Hà Nội | 8,00 | 33,22 | |
| 53 | Xi nghiệp Xây lắp (thuộc Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Nội) | Hà Nội | 10,00 | 28,94 | Hạch toán phụ thuộc |
| 54 | Xi nghiệp Môi trường đô thị Thanh Trì | Hà Nội | 30,00 | 60,00 | Hạch toán phụ thuộc |
| 55 | Xi nghiệp Môi trường đô thị Sóc Sơn | Hà Nội | 25,00 | 51,00 | Hạch toán phụ thuộc |
| 56 | Công ty TNHH MTV Giồng gia súc Hà Nội | Hà Nội | 102,00 | 64,80 | |
| 57 | Công ty TNHH MTV Hồ Tây | Hà Nội | 18,00 | 40,00 | |
| 58 | Công ty TNHH MTV Công trình giao thông Hà Nội | Hà Nội | 115 | 65 | |
| 59 | Công ty TNHH MTV Cơ điện công trình | Hà Nội | 12,09 | 65 | |
| 60 | Xi nghiệp Xây dựng và Kinh doanh nhà (Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển nông nghiệp Hà Nội) | Hà Nội | 10 | 36 | Hạch toán phụ thuộc |
| 61 | (Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển nông nghiệp Hà Nội) | Hà Nội | 20 | 51 | Hạch toán phụ thuộc |
| 62 | Công ty Điện chiếu sáng Hải Phòng | Hải Phòng | 22 | 51 | |
| 63 | Cty Công trình công cộng và xây dựng Hải Phòng | Hải Phòng | 10 | 51 | |
| 64 | Công ty Công trình công cộng và Dịch vụ du lịch | Hải Phòng | 20 | 57,5 | |
| 65 | Cty Bến xe Hải Phòng | Hải Phòng | 26 | 64,5 | |
| 66 | Công ty công trình giao thông Đường Thủy | Hải Phòng | | | CV bảo cáo |

| | | | | | |
|-----|--|-------------|---------|-------|---------------------|
| 67 | Công ty công trình giao thông Đường Bô | Hải Phòng | | | CV báo cáo |
| 68 | Công ty TNHH MTV Phát triển Nhà Bến Thành | TP HCM | 80 | 49 | |
| 69 | Công ty TNHH MTV Đầu tư Địa ốc Gia Định | TP HCM | 76,4 | 43 | |
| 70 | Công ty TNHH MTV Xuất khẩu lao động và Chuyển giá | TP HCM | 92 | 25 | |
| 71 | Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông công chính | TP HCM | 268,75 | 25 | |
| 72 | Công ty TNHH MTV Dạy nghề phẩm và sinh học y tế | TP HCM | 100 | 29 | |
| 73 | Công ty Công nghiệp cơ khí Sài Gòn (TCT Nông nghiệp Sài Gòn) | TP HCM | 20 | 90 | Hạch toán phụ thuộc |
| 74 | Công ty Môi trường đô thị Kon Tum | Kon Tum | 12,103 | 65 | |
| 75 | Công ty Dịch vụ đô thị TP Đà Lạt | Lâm Đồng | 65,5 | 64,85 | |
| 76 | Cty Kinh doanh nước sạch Ninh Bình | Ninh Bình | 150,80 | 64,90 | |
| 77 | Công ty Cấp nước Diên Châu | Nghệ An | 14,79 | 51,00 | |
| 78 | Công ty Cấp nước Quỳnh Lưu | Nghệ An | 7,57 | 51,00 | |
| 79 | Công ty Cấp nước Thái Hòa | Nghệ An | 45,79 | 51,00 | |
| 80 | Công ty Cấp nước Cửa Lò | Nghệ An | 43,02 | 51,00 | |
| 81 | Công ty Quản lý Công trình đô thị Trà Vinh | Trà Vinh | 17,50 | 64,00 | |
| 82 | Công ty Đăng kiểm xe cơ giới | Đắk Nông | 8,20 | 49,00 | |
| 83 | Công ty Quản lý và Xây dựng cầu đường bộ | Đắk Nông | 6,90 | 75,00 | |
| 84 | Công ty Xây dựng và cấp nước Lai Châu | Lai Châu | 216,8 | 65 | |
| 85 | Công ty Môi trường và Phát triển đô thị | Quảng Bình | 36,756 | 64,9 | |
| 86 | Công ty Thương mại và Đầu tư Khánh Hòa | Khánh Hòa | 250,971 | 0 | |
| 87 | Công ty Xuất khẩu thủy sản Khánh Hòa | Khánh Hòa | 14,76 | 0 | |
| 88 | Công ty Dịch vụ vận tải Khánh Hòa | Khánh Hòa | 25,5 | 0 | |
| 89 | Công ty Cấp nước Yên Bái | Yên Bái | 72,95 | 65 | |
| 90 | Công ty Môi trường và CT đô thị | Yên Bái | 7,657 | 0 | |
| 91 | Công ty Cấp nước Bắc Liêu | Bắc Liêu | 111,69 | 60,00 | |
| 92 | Công ty Cấp thoát nước Phú Yên | Phú Yên | 236,00 | 51,00 | |
| 93 | Cty Xây dựng và Dịch vụ thủy lợi Điện Biên | Điện Biên | 16,66 | 0,00 | |
| 94 | Công ty Xây dựng cấp nước Điện Biên | Điện Biên | 371,10 | 64,00 | |
| 95 | Công ty In Điện Biên | Điện Biên | 27,25 | 74,00 | |
| 96 | Công ty Đăng kiểm xe cơ giới | Lạng Sơn | 6,22 | 0 | |
| 97 | Công ty Cấp thoát nước Hà Giang | Hà Giang | 11,76 | 51 | |
| 98 | Công ty Công trình Đô thị Mỹ Tho | Tiền Giang | 31 | 60 | |
| 99 | Công ty Tư vấn khảo sát thiết kế cấp thoát nước Lào Cai | Lào Cai | 1,55 | 51,00 | |
| 100 | Công ty Thương mại Quảng Trị | Quảng Trị | 75 | 57,33 | |
| 101 | Công ty Môi trường đô thị Sông Công | Thái Nguyên | 8,8 | 63,75 | |
| 102 | Công ty Đầu tư và Phát triển Kỹ Hà Chu Lai | Quảng Nam | 45 | 0 | |
| 103 | Công ty TNHH MTV DVM/MT đô thị Đồng Nai | Đồng Nai | 300 | 64 | |
| 104 | Công ty XD và SX VLXD Biên Hòa | Đồng Nai | 450 | 70 | |
| 105 | Công ty TNHH cấp thoát nước | Bến Tre | 280 | 64 | |
| 106 | Công ty Cấp thoát nước Cần Thơ | Cần Thơ | 280 | 64 | |
| 107 | Công ty Công trình đô thị Cần Thơ | Cần Thơ | 54,29 | 92,38 | |
| 108 | Công ty Xây dựng hạ tầng khu công nghiệp Cần Thơ | Cần Thơ | 10 | 51 | |
| 109 | Đoạn đường Bô Hải Dương | Hải Dương | 10,468 | 75 | Đơn vị sự nghiệp |

Phụ lục IV
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN THỎẠI VỐN NHÀ NƯỚC
CỦA CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG VÀ CÁC TẬP ĐOÀN KINH TẾ, TỔNG CÔNG TY NHÀ NƯỚC
Tháng 9 và lũy kế 9 tháng đầu năm 2015

| Stt | Tên DN | Vốn điều lệ DN (tỷ đồng) | Vốn nhà nước | | Kế hoạch bán vốn | | 8 tháng năm 2015 | | Tháng 9 năm 2015 | | Lũy kế 9 tháng năm 2015 | | | | |
|-----|-------------------------------------|--------------------------|-------------------|----------|-------------------|----------|-------------------|-------------|--------------------------|-------------------|-------------------------|--------------------------|----------------|-------------|----------------|
| | | | Giá trị (tỷ đồng) | % Vốn DL | Giá trị (tỷ đồng) | % Vốn DL | Giá trị (tỷ đồng) | % Vốn DL | Giá trị thu về (tỷ đồng) | Giá trị (tỷ đồng) | % Vốn DL | Giá trị thu về (tỷ đồng) | | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 |
| | A. BỘ, NGÀNH | 9.555,2 | 3.548,4 | | 1.965,5 | | 1.567,5 | 2,3 | 1.952,0 | 207,2 | | 184,2 | 1.774,7 | 2,3 | 2.136,3 |
| | I. Bộ GD Đào tạo | 81,40 | 25,87 | | 25,87 | | 25,87 | 2,29 | 32,61 | | | 184,2 | 25,87 | 2,29 | 32,61 |
| 1 | CTCP Sách TBTH Tuyên Quang | 7,79 | 4,50 | 57,7% | 4,50 | 57,7% | 4,50 | 57,7% | 4,95 | | | | 4,50 | 57,7% | 4,95 |
| 2 | CTCP Sách TBTH Thanh Hóa | 10,50 | 5,36 | 51,0% | 5,36 | 51,0% | 5,36 | 51,0% | 9,21 | | | | 5,36 | 51,0% | 9,21 |
| 3 | CTCP Sách TBTH Nghệ An | 17,24 | 5,00 | 29,0% | 5,00 | 29,0% | 5,00 | 29,0% | 6,25 | | | | 5,00 | 29,0% | 6,25 |
| 4 | CTCP Sách TBTH Đồng Nai | 18,20 | 4,56 | 25,1% | 4,56 | 25,1% | 4,56 | 25,1% | 5,02 | | | | 4,56 | 25,1% | 5,02 |
| 5 | CTCP Sách TBTH Hưng Yên | 15,00 | 4,50 | 30,0% | 4,50 | 30,0% | 4,50 | 30,0% | 5,00 | | | | 4,50 | 30,0% | 5,00 |
| 6 | CTCP Sách dịch vụ & TV điện GD | 2,67 | 0,60 | 22,5% | 0,60 | 22,5% | 0,60 | 22,5% | 0,64 | | | | 0,60 | 22,5% | 0,64 |
| 7 | CTCP Sách TBGD Nam Định | 10,00 | 1,35 | 13,5% | 1,35 | 13,5% | 1,35 | 13,5% | 1,55 | | | | 1,35 | 13,5% | 1,55 |
| | II. Bộ Công Thương | | 69,95 | | 69,95 | | 69,95 | | 62,05 | | | | 69,95 | | 62,05 |
| | 1. TCT Giấy VN | | 27,76 | | 27,76 | | 27,76 | | 27,76 | | | | 27,76 | | 27,76 |
| 1 | CTCP Máy Diêm Sài Gòn | | 27,76 | 8,7% | 27,76 | 8,7% | 27,76 | 8,7% | 27,76 | | | | 27,76 | 8,7% | 27,76 |
| | 2. TCT Máy và TB công nghiệp | | 20,71 | | 20,71 | | 20,71 | | 20,71 | | | | 20,71 | | 20,71 |
| 1 | CTCP BT Thủy điện và KS Hà Giang | | 20,71 | 30,0% | 20,71 | 30,0% | 20,71 | 30,0% | 20,71 | | | | 20,71 | 30,0% | 20,71 |
| | 3. TCT thuốc lá Việt Nam | | 21,48 | | 21,48 | | 21,48 | | 13,58 | | | | 21,48 | | 13,58 |
| | Ngân hàng Vietcombank | | 21,48 | | 21,48 | | 21,48 | | 13,58 | | | | 21,48 | | 13,58 |
| | III. Bộ Quốc phòng | | 120,00 | | 22,20 | | 22,20 | | 22,20 | | | | 22,20 | | 22,20 |
| 1 | CTCP Phú Tài | | 16,00 | 13,3% | 16,00 | 13,0% | 16,00 | 13,0% | 16,00 | | | | 16,00 | 13,0% | 16,00 |
| 2 | CTCP Hương Giang | | 6,20 | | 6,20 | | 6,20 | | 6,20 | | | | 6,20 | | 6,20 |
| | IV. Bộ Xây dựng | | 336,98 | | 31,52 | | 31,52 | | 31,52 | | | | 238,69 | | 215,76 |
| | TCT Sông Đà | | 217,07 | | 31,52 | | 31,52 | | 31,52 | | | | 174,13 | | 150,77 |
| 1 | CTCP xi măng Sông Đà Yaly | | 24,00 | 53,3% | 24,00 | 53,3% | 24,00 | 53,3% | 24,00 | | | | 24,00 | 53,3% | 24,00 |
| 2 | CTCP xi măng Sông Đà | | 7,52 | 38,0% | 7,52 | 38,0% | 7,52 | 38,0% | 7,52 | | | | 7,52 | 38,0% | 7,52 |

| Stt | Tên DN | Vốn điều lệ DN (tỷ đồng) | Vốn nhà nước | | Kế hoạch bán vốn | | 8 tháng năm 2015 | | Tháng 9 năm 2015 | | Lấy lệ 9 tháng năm 2015 | | |
|-----|-----------------------------------|--------------------------|-------------------|----------|-------------------|----------|-------------------|----------|--------------------------|-------------------|-------------------------|--------------------------|-------|
| | | | Giá trị (tỷ đồng) | % Vốn DL | Giá trị (tỷ đồng) | % Vốn DL | Giá trị (tỷ đồng) | % Vốn DL | Giá trị thu về (tỷ đồng) | Giá trị (tỷ đồng) | % Vốn DL | Giá trị thu về (tỷ đồng) | |
| 4 | Cty CP XNK Lâm sản Nhà trang | 2,67 | 0,80 | 30,0% | 0,80 | 30,0% | 0,80 | | | | 0,80 | 30,0% | 0,80 |
| 5 | Cty CP Lâm nghiệp và XD Việt Úc | 5,00 | 1,50 | 30,0% | 1,50 | 30,0% | 1,70 | | | | 1,50 | 30,0% | 1,70 |
| 6 | Cty CP SX và dịch vụ du lịch Chèm | 6,33 | 3,80 | 60,0% | 3,80 | 60,0% | 6,00 | | | | 3,80 | 60,0% | 6,00 |
| 7 | Cty CP ĐTKD BDS Lâm nghiệp VN | 50,00 | 25,50 | 51,0% | 25,50 | 51,0% | 22,20 | | | | 25,50 | 51,0% | 22,20 |
| 8 | Cty CP Vân nhân tạo Việt trí | 6,52 | 3,30 | 50,6% | 3,30 | 50,6% | 1,90 | | | | 3,30 | 50,6% | 1,90 |
| | TCTy Chăn nuôi | 19,80 | 4,65 | | 4,65 | | 4,65 | | | | 4,65 | | 4,65 |
| 1 | Cty CP giồng bò/hiệt sưa Yên Phú | 9,80 | 2,45 | 25,0% | 2,45 | 25,0% | 2,45 | | | | 2,45 | 25,0% | 2,45 |
| 2 | Cty CP giồng gia cầm Ba vì | 10,00 | 2,20 | 22,0% | 2,20 | 22,0% | 2,20 | | | | 2,20 | 22,0% | 2,20 |
| | TCT Mía đường I | | 7,00 | | 7,00 | | 14,00 | | | | 7,00 | | 14,00 |
| 1 | Cty CP thực phẩm Vạn Điểm | | 7,00 | 51,0% | 7,00 | 51,0% | 14,00 | | | | 7,00 | 51,0% | 14,00 |
| | TCT Mía đường II | 13,00 | 4,58 | | 4,58 | | 11,61 | | | | 4,58 | | 11,61 |
| 1 | Cty CP Cơ khí TP và XL Biên Hòa | 3,64 | 0,10 | 2,8% | 0,10 | 2,8% | 0,24 | | | | 0,10 | 2,8% | 0,24 |
| 2 | Cty CP Đường Khánh Hội | 9,36 | 4,48 | 47,8% | 4,48 | 47,8% | 11,37 | | | | 4,48 | 47,8% | 11,37 |
| | TCT Thủy Sản VN | 438,4 | 99,8 | | 99,8 | | 105,6 | | | | 99,8 | | 105,6 |
| 1 | CTCP Xây lắp Hà Long | 3,3 | 1,0 | 28,9% | 0,95 | 28,9% | 1,52 | | | | 0,95 | 28,9% | 1,52 |
| 2 | CTCP Thủy sản và DVTM Hà Nội | 2,5 | 0,3 | 10,6% | 0,26 | 10,6% | 0,52 | | | | 0,26 | 10,6% | 0,52 |
| 3 | CTCP Dịch vụ và XNK Hà Long | 4,8 | 1,0 | 20,0% | 0,96 | 20,0% | 1,08 | | | | 0,96 | 20,0% | 1,08 |
| 4 | CTCP Thủy sản số 9 | 3,0 | 0,6 | 20,0% | 0,60 | 20,0% | 0,64 | | | | 0,60 | 20,0% | 0,64 |
| 5 | CTCP In bao bì và XNK Tổng hợp | 2,2 | 0,2 | 9,6% | 0,21 | 9,6% | 0,21 | | | | 0,21 | 9,6% | 0,21 |
| 6 | CTCP XKLB và DVTM Biên Đông | 5,0 | 2,6 | 51,0% | 2,55 | 51,0% | 2,66 | | | | 2,55 | 51,0% | 2,66 |
| 7 | CTCP XNK Thủy sản Vũng Tàu | 3,2 | 1,8 | 55,9% | 1,82 | 55,9% | 0,10 | | | | 1,82 | 55,9% | 0,10 |
| 8 | CTCP Thủy sản Bà | 33,0 | 2,1 | 6,4% | 2,10 | 6,4% | 2,20 | | | | 2,10 | 6,4% | 2,20 |
| 9 | CTCP Lướt sỏi Hùng Vương | 11,0 | 2,9 | 26,3% | 2,90 | 26,3% | 2,78 | | | | 2,90 | 26,3% | 2,78 |
| 10 | CTCP Thủy sản Khu vực I | 7,5 | 1,5 | 20,0% | 1,50 | 20,0% | 2,88 | | | | 1,50 | 20,0% | 2,88 |

| Stt | Tên DN | Vốn điều lệ DN (Tỷ đồng) | Vốn nhà nước | | Kế hoạch bán vốn | | 8 tháng năm 2015 | | Tháng 9 năm 2015 | | Lũy kế 9 tháng năm 2015 | | |
|-----|---------------------------------|--------------------------|-------------------|----------|-------------------|----------|-------------------|----------|--------------------------|-------------------|-------------------------|--------------------------|---------|
| | | | Giá trị (Tỷ đồng) | % Vốn DL | Giá trị (Tỷ đồng) | % Vốn DL | Giá trị (Tỷ đồng) | % Vốn DL | Giá trị thu về (Tỷ đồng) | Giá trị (Tỷ đồng) | % Vốn DL | Giá trị thu về (Tỷ đồng) | |
| 2 | TCTY CP Bảo Minh | 10,3 | 8,2 | 80,0% | 8,20 | 80,0% | 8,20 | 80,0% | | | 8,20 | 80,0% | 8,45 |
| | TCT Lương thực Miền Bắc | 52,1 | 38,8 | | 17,0 | | 14,0 | | | | 14,0 | | 16,6 |
| 1 | CTCP Lương thực Nam Định | 11,9 | 9,3 | 78,6% | 3,20 | 27,6% | 3,20 | 27,6% | | | 3,20 | 27,6% | 3,20 |
| 2 | CTCP Lương thực Hà Sơn Bình | 17,9 | 13,5 | 76,0% | 4,50 | 25,0% | 4,50 | 25,0% | | | 4,50 | 25,0% | 4,50 |
| 3 | CTCP Lương thực Hải Dương | 11,2 | 7,8 | 70,3% | 2,20 | 19,3% | 2,20 | 19,3% | | | 2,20 | 19,3% | 2,20 |
| 4 | CTCP LT Hưng Yên | 5,1 | 3,4 | 70,3% | 3,40 | 70,3% | 1,50 | | | | 1,50 | | 3,04 |
| 5 | CTCP LT Ninh Bình | 6,0 | 3,7 | 70,3% | 3,70 | 70,3% | 1,50 | | | | 1,50 | | 1,84 |
| 6 | CTCP Mũi NÁ | | 1,1 | | | | 1,10 | | | | 1,10 | | 1,80 |
| | TCT Lương Thực Miền Nam | 4447,2 | 77,7 | | 77,6 | | 77,6 | | | | 77,6 | | 43,8 |
| 1 | Cty vận tải biển Việt nam | 1400,0 | 59,6 | 4,3% | 59,6 | 4,3% | 59,6 | 4,3% | | | 59,6 | 4,3% | 14,2 |
| 2 | Cty TNHH du lịch Hầm lương | 14,2 | 11,0 | 77,5% | 11,0 | 77,5% | 11,0 | 77,5% | | | 11,0 | 77,5% | 18,0 |
| 3 | Cty CPBKD NSTP Nosafood | 14,0 | 2,9 | 20,7% | 2,8 | 20,7% | 2,8 | 20,7% | | | 2,8 | 20,7% | 6,3 |
| 4 | CTCP Bánh kẹo Lubico | 12,0 | 2,4 | 20,0% | 2,4 | 20,0% | 2,4 | 20,0% | | | 2,4 | 20,0% | 3,7 |
| 5 | NHTMCP XD VN | 3000,0 | 1,4 | 0,0% | 1,4 | 0,0% | 1,4 | 0,0% | | | 1,4 | 0,0% | 0,0 |
| 6 | CTCP Giám định và khử trùng FCC | 7,0 | 0,4 | 5,7% | 0,4 | 5,7% | 0,4 | 5,7% | | | 0,4 | 5,7% | 1,6 |
| | VI Bộ GTVT | 3,932,1 | 2,717,5 | | 1,466,1 | | 1,071,0 | | | | 1,071,0 | | 1,486,7 |
| | TCT Hàng Không VN | 28,00 | 14,84 | | 14,84 | | 14,84 | | | | 14,84 | | 17,80 |
| 1 | CTCP Cung ứng dịch vụ HK | 28,00 | 14,84 | 53,0% | 14,84 | 53,0% | 14,84 | 53,0% | | | 14,84 | 53,0% | 17,80 |
| | TCT Đường Sắt VN | 71,22 | 43,47 | | 43,47 | | 32,53 | | | | 32,53 | | 73,76 |
| 1 | CTGP Vận tải và TM ĐS | 31,22 | 22,96 | 73,5% | 22,96 | 73,5% | 12,02 | | | | 12,02 | | 32,13 |
| 2 | CTCP Vật tư DS Sài gòn | 20,00 | 14,75 | 73,8% | 14,75 | 73,8% | 14,75 | 73,8% | | | 14,75 | 73,8% | 34,97 |
| 3 | CTCP Dịch vụ vận tải DS | 20,00 | 5,76 | 28,8% | 5,76 | 28,8% | 5,76 | 28,8% | | | 5,76 | 28,8% | 6,66 |
| | TCT Hàng Hải | 3353,2 | 2422,1 | | 1302,0 | | 917,8 | | | | 917,8 | | 1255,8 |
| 1 | Công ty cổ phần Cảng Đà Nẵng | 660 | 627,22 | 95,0% | 290,62 | 44,03% | 132,22 | 20,03% | | | 132,22 | 20,03% | 207,29 |

| Stt | Tên DN | Vốn điều lệ DN (Tỷ đồng) | Vốn nhà nước | | Kế hoạch bán vốn | | 8 tháng năm 2015 | | | | Tháng 9 năm 2015 | | | | Lũy kế 9 tháng năm 2015 | | | |
|-----|--|--------------------------------|----------------------|-------------|----------------------|-------------|----------------------|-------------|----------------------|-------------|----------------------|-------------|----------------------|-------------|-------------------------|-------------|----------------------|-------------|
| | | | Giá trị (tỷ đồng) | % Vốn ĐL | Giá trị (tỷ đồng) | % Vốn ĐL | Giá trị (tỷ đồng) | % Vốn ĐL | Giá trị (tỷ đồng) | % Vốn ĐL | Giá trị (tỷ đồng) | % Vốn ĐL | Giá trị (tỷ đồng) | % Vốn ĐL | Giá trị (tỷ đồng) | % Vốn ĐL | Giá trị (tỷ đồng) | % Vốn ĐL |
| 2 | Công ty cổ phần Vận tải và cung ứng xăng dầu (Tranpesco) | 12 | 3,6 | 30,0% | 2,11 | 17,60% | 1,32 | 10,10% | 1,45 | | | | | | 1,32 | 10,10% | 1,45 | |
| 3 | Công ty cổ phần XNK Cung ứng vật tư Hàng hải (Marimex) | 2,5 | 0,75 | 30,0% | 0,75 | 30,00% | 0,75 | 30,00% | 0,75 | | | | | | 0,75 | 30,00% | 0,75 | |
| 4 | Công ty cổ phần XD TM DV tổng hợp Cảng Sài Gòn (SPTS) | 12,3 | 2,46 | 20,0% | 2,46 | 20,00% | 2,46 | 20,00% | 2,58 | | | | | | 2,46 | 20,00% | 2,58 | |
| 5 | Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại Hàng hải Hải Phòng | 120 | 20 | 16,7% | 20 | 16,67% | 9 | 7,50% | 9 | | | | | | 9 | 7,50% | 9 | |
| 6 | Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn | 404,1 | 303,12 | 75,0% | 303,12 | 75,01% | 105,11 | 26,01% | 141,9 | | | | | | 105,11 | 26,01% | 141,9 | |
| 7 | Công ty cổ phần Hàng hải Đông Đô | 122,44 | 72,66 | 59,3% | 24,47 | 19,98% | 8,55 | 6,98% | 2,15 | | | | | | 8,55 | 6,98% | 2,15 | |
| 8 | Công ty cổ phần Cảng Khuyến Lương | 40,57 | 21,53 | 53,1% | 1,66 | 4,08% | 1,66 | 4,08% | 1,67 | | | | | | 1,66 | 4,08% | 1,67 | |
| 9 | Công ty cổ phần Vận tải biển Việt Nam (VOSCO) | 1.400 | 840 | 60,0% | 126 | 9,00% | 126 | 9,00% | 126 | | | | | | 126 | 9,00% | 126 | |
| 10 | CTCP Cảng Quảng Ninh | 500 | 490,6 | 98,0% | 490,6 | 98,02% | 555,36 | 98,02% | 555,36 | | | | | | 490,6 | 98,02% | 555,36 | |
| 11 | CTCP Cảng Đoàn Xá | 79 | 40,16 | 51,0% | 40,16 | 51,00% | 40,16 | 51,00% | 207,67 | | | | | | 40,16 | 51,00% | 207,67 | |
| | Tổng công ty XDCTGT 6 | 27,00 | 15,29 | | 15,29 | | 15,29 | | 18,87 | | | | | | 15,29 | | 18,87 | |
| 1 | CTCP XD công trình GT 61 | 18,00 | 8,15 | 45,3% | 8,15 | 45,3% | 8,15 | 45,3% | 11,66 | | | | | | 8,15 | 45,3% | 11,66 | |
| 2 | CTCP Bảo trì XD GT 714 | 9,00 | 7,14 | 79,3% | 7,14 | 79,3% | 7,14 | 79,3% | 7,21 | | | | | | 7,14 | 79,3% | 7,21 | |
| | TCT Vận tải Thủy | 327,73 | 160,59 | | 65,55 | | 65,55 | | 65,85 | | | | | | 65,55 | | 65,85 | |
| 1 | Công ty mẹ | 327,73 | 160,59 | 49,0% | 65,55 | | 65,55 | | 65,85 | | | | | | 65,55 | | 65,85 | |
| | TCT IVTK GTVT | 125,00 | 61,25 | | 25,00 | | 25,00 | | 54,62 | | | | | | 25,00 | | 54,62 | |
| 1 | Công ty mẹ | 125,00 | 61,25 | 49,0% | 25,00 | | 25,00 | | 54,62 | | | | | | 25,00 | | 54,62 | |
| | B. TẬP ĐOÀN, TCT | 31.530,2 | 8.987,5 | | 6.761,2 | | 6.540,8 | | 10.026,7 | | | | | | 90,2 | | 10.247,2 | |
| | 1. SCIC | 3.424,8 | 1.073,8 | | 1.073,8 | | 961,3 | | 2.604,0 | | | | | | 90,2 | | 2.824,6 | |
| 1 | CTCP Nhựa Đà Nẵng | 22,37 | 3,38 | 15,1% | 3,38 | 15,1% | 3,38 | 15,1% | 5,87 | | | | | | 3,38 | 15,1% | 5,87 | |
| 2 | CTCP Vinatour | 14,26 | 7,27 | 51,0% | 7,27 | 51,0% | 7,27 | 51,0% | 56,29 | | | | | | 7,27 | 51,0% | 56,29 | |
| 3 | CTCP tập đoàn Dabaco Việt Nam | 484,10 | 60,00 | 12,4% | 60,00 | 12,4% | 60,00 | 12,4% | 162,00 | | | | | | 60,00 | 12,4% | 162,00 | |
| 4 | CTCP Du lịch Việt nam tại Hà Nội | 30,00 | 15,30 | 51,0% | 15,30 | 51,0% | 15,30 | 51,0% | 56,27 | | | | | | 10,89 | | 56,27 | |
| 5 | CTCP Xuất nhập khẩu Tổng hợp II | 27,50 | 14,03 | 51,0% | 14,03 | 51,0% | 14,03 | 51,0% | 14,17 | | | | | | 14,03 | 51,0% | 14,17 | |

| Stt | Tên DN | Vốn điều lệ DN (Tỷ đồng) | Vốn nhà nước | | Kế hoạch bản vốn | | 8 tháng năm 2015 | | Tháng 9 năm 2015 | | Lũy kế 9 tháng năm 2015 | | |
|-----|---|-----------------------------|-------------------|----------|-------------------|----------|-------------------|----------|--------------------------|-------------------|-------------------------|--------------------------|-------|
| | | | Giá trị (Tỷ đồng) | % Vốn ĐL | Giá trị (Tỷ đồng) | % Vốn ĐL | Giá trị (Tỷ đồng) | % Vốn ĐL | Giá trị thu về (Tỷ đồng) | Giá trị (Tỷ đồng) | % Vốn ĐL | Giá trị thu về (Tỷ đồng) | |
| 6 | CTCP Khai thác chế biến khoáng sản Hải Dương | 11,45 | 5,84 | 51,0% | 5,84 | 51,0% | 5,84 | 51,0% | | | 5,84 | 51,0% | 20,86 |
| 7 | CTCP Xây dựng và Phát triển Đô Thị Tây Ninh | 12,53 | 5,04 | 40,2% | 5,04 | 40,2% | 5,04 | 40,2% | | | 5,04 | 40,2% | 9,23 |
| 8 | CTCP Xây dựng và Phát triển nông thôn Vinh Long | 10,00 | 3,00 | 30,0% | 3,00 | 30,0% | 3,00 | 30,0% | | | 3,00 | 30,0% | 6,20 |
| 9 | CTCP Bảo vệ Thực vật 1 Trung Ương | 52,50 | 22,53 | 42,9% | 22,53 | 42,9% | 22,53 | 42,9% | | | 22,53 | 42,9% | 36,36 |
| 10 | CTCP Ô tô Vận tải Hà Tây | 4,17 | 2,20 | 52,6% | 2,20 | 52,6% | 2,20 | 52,6% | | | 2,20 | 52,6% | 56,99 |
| 11 | CTCP Xây dựng Thủy lợi và CS hạ tầng | 4,00 | 1,20 | 30,0% | 1,20 | 30,0% | 1,20 | 19,0% | | | 1,20 | 19,0% | 1,10 |
| 12 | CTCP Du lịch Bảo Lộc | 2,00 | 0,12 | 5,8% | 0,12 | 5,8% | 0,11 | 5,7% | | | 0,11 | 5,7% | 0,11 |
| 13 | CTCP Chế biến XNK Thủy sản Bà Rịa - Vũng Tàu | 48,00 | 12,35 | 25,7% | 12,35 | 25,7% | 12,35 | 25,7% | | | 12,35 | 25,7% | 19,15 |
| 14 | CTCP Dược phẩm Bến Tre | 30,00 | 10,20 | 34,0% | 10,20 | 34,0% | 10,20 | 34,0% | | | 10,20 | 34,0% | 41,17 |
| 15 | CTCP Ong Trung Ương | 11,00 | 3,66 | 33,3% | 3,66 | 33,3% | 3,66 | 33,3% | | | 3,66 | 33,3% | 42,47 |
| 16 | CTCP Thủy sản Cà Mau | 97,49 | 7,92 | 8,1% | 7,92 | 8,1% | 7,92 | 8,1% | | | 7,92 | 8,1% | 3,17 |
| 17 | CTCP Phát triển thương mại Thái Nguyên | 7,00 | 0,35 | 5,0% | 0,35 | 5,0% | 0,35 | 5,0% | | | 0,35 | 5,0% | 0,36 |
| 18 | CTCP Xây dựng CTGT Đồng Tháp | 15,43 | 7,87 | 51,0% | 7,87 | 51,0% | 7,87 | 51,0% | | | 7,87 | 51,0% | 0,00 |
| 19 | CTCP Xuất nhập khẩu, Sản xuất, Gia | 50,00 | 7,50 | 15,0% | 7,50 | 15,0% | 7,50 | 15,0% | | | 7,50 | 15,0% | 11,78 |
| 20 | CTCP Sách và Dịch vụ Văn Hóa Long An | 12,72 | 3,00 | 23,6% | 3,00 | 23,6% | 3,00 | 23,6% | | | 3,00 | 23,6% | 5,04 |
| 21 | CTCP Tư vấn đầu tư và xây dựng Thừa Thiên Huế | 2,60 | 0,87 | 33,5% | 0,87 | 33,5% | 0,87 | 33,5% | | | 0,87 | 33,5% | 0,89 |
| 22 | CTCP Văn Tài Long An | 5,91 | 2,17 | 36,7% | 2,17 | 36,7% | 2,17 | 36,7% | | | 2,17 | 36,7% | 2,17 |
| 23 | CTCP An uống khách sạn Hà Tây | 4,96 | 3,40 | 68,5% | 3,40 | 68,5% | 3,40 | 68,5% | | | 3,40 | 68,5% | 91,69 |
| 24 | CTCP Tập phẩm và bảo hộ lao động | 10,00 | 4,33 | 43,3% | 4,33 | 43,3% | 4,33 | 43,3% | | | 4,33 | 43,3% | 78,79 |
| 25 | CTCP Môi trường Ninh Thuận | 113,07 | 46,60 | 41,2% | 46,60 | 41,2% | 46,60 | 41,2% | | | 46,60 | 41,2% | 89,01 |
| 26 | CTCP Xuất nhập khẩu và Hợp tác Đầu tư Vitekim | 39,05 | 15,55 | 39,8% | 15,55 | 39,8% | 15,55 | 39,8% | | | 15,55 | 39,8% | 21,48 |
| 27 | CTCP Du lịch Cửu Long | 13,95 | 4,21 | 30,2% | 4,21 | 30,2% | 4,21 | 30,2% | | | 4,21 | 30,2% | 8,98 |
| 28 | CTCP Dầu từ P/TNN | 12,00 | 5,48 | 45,6% | 5,48 | 45,6% | 5,48 | 45,6% | | | 5,48 | 45,6% | 7,50 |
| 29 | CTCP Vận tải Biển và Xuất nhập khẩu Quảng Ninh | 13,65 | 1,98 | 14,5% | 1,98 | 14,5% | 1,98 | 14,5% | | | 1,98 | 14,5% | 2,91 |

| STT | Tên DN | Vốn điều lệ DN (Tỷ đồng) | Vốn nhà nước | | Kế hoạch bán vốn | | 8 tháng năm 2015 | | | Tháng 9 năm 2015 | | | Lũy kế 9 tháng năm 2015 | | |
|-----|--|--------------------------------|----------------------|-------------|----------------------|-------------|-----------------------------|-------------|----------------------|------------------|--------------------------------|----------------------|-------------------------|-----------------------------|--|
| | | | Giá trị (tỷ đồng) | % Vốn ĐL | Giá trị (tỷ đồng) | % Vốn ĐL | Giá trị thu về (tỷ đồng) | % Vốn ĐL | Giá trị (tỷ đồng) | % Vốn ĐL | Giá trị thu về (tỷ đồng) | Giá trị (tỷ đồng) | % Vốn ĐL | Giá trị thu về (tỷ đồng) | |
| 30 | CTCP Xây dựng và kinh doanh nhà Tam Kỳ | 3,85 | 1,70 | 44,2% | 1,70 | 44,2% | 1,70 | 44,2% | 2,32 | 1,70 | 44,2% | 2,32 | 1,70 | 44,2% | |
| 31 | CTCP Phát hành sách - Thiết bị trường học Hưng Yên | 15,00 | 1,94 | 12,9% | 1,94 | 12,9% | 1,94 | 12,9% | 2,13 | 1,94 | 12,9% | 2,13 | 1,94 | 12,9% | |
| 32 | CTCP Xuất nhập khẩu Bến Tre | 90,00 | 36,00 | 40,0% | 36,00 | 40,0% | 36,00 | 40,0% | 72,07 | 36,00 | 40,0% | 72,07 | 36,00 | 40,0% | |
| 33 | CTCP Đầu tư Xuất nhập khẩu Da - Giấy Hà Nội | 16,68 | 14,00 | 83,9% | 14,00 | 83,9% | 14,00 | 83,9% | 14,14 | 14,00 | 83,9% | 14,14 | 14,00 | 83,9% | |
| 34 | CT TNHH Đầu tư phát triển công nghiệp và vận tải | 49,53 | 49,53 | 100,0% | 49,53 | 100,0% | 49,53 | 100,0% | 63,00 | 49,53 | 100,0% | 63,00 | 49,53 | 100,0% | |
| 35 | CTCP Phát triển hạ tầng khu công nghiệp Tây Ninh | 35,39 | 33,86 | 95,7% | 33,86 | 95,7% | 33,86 | 95,7% | 313,50 | 33,86 | 95,7% | 313,50 | 33,86 | 95,7% | |
| 36 | CTCP Ô tô khách Hà Tây | 11,32 | 7,74 | 68,3% | 7,74 | 68,3% | 7,74 | 68,3% | 37,54 | 7,74 | 68,3% | 37,54 | 7,74 | 68,3% | |
| 37 | CTCP Tổng Bách Hóa | 31,18 | 5,16 | 16,6% | 5,16 | 16,6% | 5,16 | 16,6% | 11,97 | 5,16 | 16,6% | 11,97 | 5,16 | 16,6% | |
| 38 | CTCP Vật tư tổng hợp Hà Tây | 9,00 | 3,61 | 40,1% | 3,61 | 40,1% | 3,61 | 40,1% | 11,95 | 3,61 | 40,1% | 11,95 | 3,61 | 40,1% | |
| 39 | CTCP Xây dựng Thủy Lợi Long An | 2,89 | 1,65 | 57,1% | 1,65 | 57,1% | 1,65 | 57,1% | 2,63 | 1,65 | 57,1% | 2,63 | 1,65 | 57,1% | |
| 40 | CTCP Dịch vụ Vận tải Sài Gòn | 27,68 | 14,29 | 51,6% | 14,29 | 51,6% | 14,29 | 51,6% | 96,83 | 13,60 | 51,6% | 96,83 | 13,60 | 51,6% | |
| 41 | CTCP bao bì Việt Nam | 30,00 | 6,00 | 20,0% | 6,00 | 20,0% | 6,00 | 20,0% | 27,90 | 6,00 | 20,0% | 27,90 | 6,00 | 20,0% | |
| 42 | CTCP Tư vấn tài chính và giá cả Quảng Nam | 6,17 | 4,18 | 67,8% | 4,18 | 67,8% | 4,18 | 67,8% | 4,18 | 4,18 | 67,8% | 4,18 | 4,18 | 67,8% | |
| 43 | CTCP Treanco | 16,60 | 11,72 | 70,6% | 11,72 | 70,6% | 11,72 | 70,6% | 12,96 | 11,72 | 70,6% | 12,96 | 11,72 | 70,6% | |
| 44 | CTCP XNK thủy sản Năm Căn | 50,00 | 9,49 | 19,0% | 9,49 | 19,0% | 9,49 | 19,0% | 22,10 | 9,49 | 19,0% | 22,10 | 9,49 | 19,0% | |
| 45 | CTCP Hòa chất vật liệu điện Tp. HCM | 25,00 | 8,75 | 35,0% | 8,75 | 35,0% | 8,75 | 35,0% | 8,75 | 8,75 | 35,0% | 8,75 | 8,75 | 35,0% | |
| 46 | CTCP XNK Máy Hà Nội | 13,00 | 1,95 | 15,0% | 1,95 | 15,0% | 1,95 | 15,0% | 1,52 | 1,95 | 15,0% | 1,52 | 1,95 | 15,0% | |
| 47 | CTCP Dược Yên Bái | 16,21 | 2,93 | 18,1% | 2,93 | 18,1% | 2,93 | 18,1% | 6,92 | 2,93 | 18,1% | 6,92 | 2,93 | 18,1% | |
| 48 | CTCP Giồng cây trồng Miền Nam | 149,92 | 27,84 | 18,6% | 27,84 | 18,6% | 27,84 | 18,6% | 164,25 | 27,84 | 18,6% | 164,25 | 27,84 | 18,6% | |
| 49 | TCTCP Xây dựng điện Việt Nam | 637,21 | 189,00 | 29,7% | 189,00 | 29,7% | 189,00 | 29,7% | 255,15 | 189,00 | 29,7% | 255,15 | 189,00 | 29,7% | |
| 50 | CTCP Vật tư thiết bị giao thông (Transmeco) | 120,00 | 29,74 | 24,8% | 29,74 | 24,8% | 29,74 | 24,8% | 36,00 | 29,74 | 24,8% | 36,00 | 29,74 | 24,8% | |
| 51 | CTCP Thiết bị | 36,74 | 2,72 | 7,4% | 2,72 | 7,4% | 2,72 | 7,4% | 4,92 | 2,72 | 7,4% | 4,92 | 2,72 | 7,4% | |
| 52 | CTCP TM và Xuất nhập khẩu Long An | 10,00 | 1,31 | 13,1% | 1,31 | 13,1% | 1,31 | 13,1% | 2,51 | 1,31 | 13,1% | 2,51 | 1,31 | 13,1% | |
| 53 | CTCP May Quảng Ninh | 4,33 | 1,30 | 30,0% | 1,30 | 30,0% | 1,30 | 30,0% | 1,27 | 1,30 | 30,0% | 1,27 | 1,30 | 30,0% | |
| 54 | CTCP In Nông nghiệp | 10,00 | 9,00 | 90,0% | 9,00 | 90,0% | 9,00 | 90,0% | 25,47 | 9,00 | 90,0% | 25,47 | 9,00 | 90,0% | |
| 55 | CTCP Kho vận và dịch vụ thương mại | 23,50 | 7,57 | 32,2% | 7,57 | 32,2% | 7,57 | 32,2% | 21,44 | 7,57 | 32,2% | 21,44 | 7,57 | 32,2% | |
| 56 | CTCP Du lịch Bạc Liêu | 20,00 | 3,08 | 15,4% | 3,08 | 15,4% | 3,08 | 15,4% | 4,25 | 3,08 | 15,4% | 4,25 | 3,08 | 15,4% | |
| 57 | CTCP Vận tải và thuê tàu | 150,00 | 76,53 | 51,0% | 76,53 | 51,0% | 76,53 | 51,0% | 123,54 | 64,68 | 43,1% | 123,54 | 64,68 | 43,1% | |
| 58 | CTCP Núi non khoáng Khánh Hòa | 21,60 | 11,13 | 51,5% | 11,13 | 51,5% | 11,13 | 51,5% | 85,35 | 6,32 | 29,3% | 85,35 | 6,32 | 29,3% | |
| 59 | CTCP Xuất nhập khẩu Hưng Yên | 17,62 | 15,87 | 90,1% | 15,87 | 90,1% | 15,87 | 90,1% | 11,43 | 15,87 | 90,1% | 11,43 | 15,87 | 90,1% | |
| 60 | CTCP Giao thông Hà Nội | 10,50 | 6,08 | 57,9% | 6,08 | 57,9% | 6,08 | 57,9% | 6,08 | 6,08 | 57,9% | 6,08 | 6,08 | 57,9% | |

| Stt | Tên DN | Vốn điều lệ DN (tỷ đồng) | Vốn nhà nước | | Kế hoạch bán vốn | | 8 tháng năm 2015 | | Tháng 9 năm 2015 | | Lũy kế 9 tháng năm 2015 | |
|-----|--|--------------------------|-------------------|----------|-------------------|----------|-------------------|----------|--------------------------|-------------------|-------------------------|--------------------------|
| | | | Giá trị (tỷ đồng) | % Vốn ĐL | Giá trị (tỷ đồng) | % Vốn ĐL | Giá trị (tỷ đồng) | % Vốn ĐL | Giá trị thu về (tỷ đồng) | Giá trị (tỷ đồng) | % Vốn ĐL | Giá trị thu về (tỷ đồng) |
| 61 | CTCP KỸ NGHIỆP KHOÁNG SẢN QUẢNG NAM | 55,45 | 15,16 | 27,3% | 15,16 | 27,3% | 14,57 | 26,3% | 14,57 | 14,57 | 26,3% | 14,57 |
| 62 | CTCP GIÁM ĐỊNH VÀ KHỬ TRÙNG FCC | 7,00 | 1,05 | 15,0% | 1,05 | 15,0% | 1,05 | 15,0% | 3,93 | 3,93 | 15,0% | 3,93 |
| 63 | CTCP HÓA CHẤT VÀ VẬT TƯ KHOA HỌC KỸ THUẬT | 18,11 | 6,17 | 34,1% | 6,17 | 34,1% | 6,17 | 34,1% | 62,95 | 62,95 | 34,1% | 62,95 |
| 64 | CTCP NÔNG LÂM SẢN XUẤT KHẨU QUẢNG NGÃI | 11,25 | 5,46 | 48,5% | 5,46 | 48,5% | 5,46 | 48,5% | 6,66 | 6,66 | 48,5% | 6,66 |
| 65 | CTCP CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN HÀ GIANG | 1,50 | 0,70 | 46,7% | 0,70 | 46,7% | 0,70 | 46,7% | 0,08 | 0,08 | 46,7% | 0,08 |
| 66 | CTCP XÂY DỰNG BA VI | 2,00 | 0,54 | 27,0% | 0,54 | 27,0% | 0,54 | 27,0% | 0,30 | 0,30 | 27,0% | 0,30 |
| 67 | CTCP DƯỢC VẬT TƯ Y LẾ HD | 30,00 | 3,64 | 12,1% | 3,64 | 12,1% | 3,64 | 12,1% | 13,06 | 13,06 | 12,1% | 13,06 |
| 68 | CTCP CƠ KHÍ XÂY DỰNG GIỚI THỐNG THĂNG LONG | 9,70 | 1,00 | 10,3% | 1,00 | 10,3% | 1,00 | 10,3% | 1,05 | 1,05 | 10,3% | 1,05 |
| 69 | CTCP DU LỊCH LONG AN | 2,50 | 0,88 | 35,0% | 0,88 | 35,0% | 0,88 | 35,0% | 0,88 | 0,88 | 35,0% | 0,88 |
| 70 | CTCP CUNG ỨNG TÀU BIỂN QUẢNG NINH | 16,50 | 3,15 | 19,1% | 3,15 | 19,1% | 3,15 | 19,1% | 12,85 | 12,85 | 19,1% | 12,85 |
| 71 | CTCP ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI TẬP PHẨM SÀI GÒN | 41,38 | 13,64 | 33,0% | 13,64 | 33,0% | 13,64 | 33,0% | 29,47 | 29,47 | 33,0% | 29,47 |
| 72 | CTCP IN HÀ TRỊNH | 2,18 | 0,42 | 19,3% | 0,42 | 19,3% | 0,42 | 19,3% | 0,55 | 0,55 | 19,3% | 0,55 |
| 73 | CTCP KHO VẬN MIỀN NAM | 83,52 | 39,86 | 47,7% | 39,86 | 47,7% | 39,86 | 47,7% | 116,39 | 116,39 | 47,7% | 116,39 |
| 74 | CTCP MINH HẢI | 2,71 | 2,02 | 74,4% | 2,02 | 74,4% | 2,02 | 0,74 | 1,01 | 1,01 | 0,74 | 1,01 |
| 75 | CTCP GÀM ĐỊNH CÀ PHÊ VÀ HÀNG HÓA XNK | 17,00 | 8,67 | 51,0% | 8,67 | 51,0% | 8,67 | 0,51 | 31,39 | 31,39 | 0,51 | 31,39 |
| 76 | CTCP TBVT VÀ DƯỢC PHẨM T. THIÊN HUẾ | 3,12 | 0,45 | 14,6% | 0,45 | 14,6% | 0,45 | 0,15 | 0,72 | 0,72 | 0,15 | 0,72 |
| 77 | CTCP XD CÔNG TRÌNH GT ĐÀ NẴNG | 17,29 | 7,82 | 45,2% | 7,82 | 45,2% | 7,82 | 0,45 | 2,11 | 2,11 | 0,45 | 2,11 |
| | CTCP XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP 1 | 35,23 | 7,42 | 21,06% | 7,42 | 21,1% | | | 7,42 | 5,05 | 21,1% | 5,05 |
| | CTCP XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP 1 | 125,95 | 46,11 | 36,6% | 46,11 | 36,6% | | | 46,11 | 124,49 | 36,6% | 124,49 |
| | CTCP BÁCH HÓA MIỀN NAM | 12,60 | 4,41 | 35,0% | 4,41 | 35,0% | | | 4,41 | 12,17 | 35,0% | 12,17 |
| | CTCP IN VÀ THƯƠNG MẠI THỐNG NHẤT | 30,16 | 6,06 | 20,1% | 6,06 | 20,1% | | | 6,06 | 24,90 | 20,1% | 24,90 |
| | CTCP SẢN XUẤT XUẤT KHẨU BAO BI | 12,00 | 3,60 | 30,0% | 3,60 | 30,0% | | | 3,60 | 19,12 | 30,0% | 19,12 |
| | CTCP RAU QUẢ TIỀN GIANG | 20,00 | 9,08 | 45,4% | 9,08 | 45,4% | | | 9,08 | 17,97 | 45,4% | 17,97 |
| | CTCP ĐỊA ỐC ĐÀ LẠT | 45,00 | 13,50 | 30,0% | 13,50 | 30,0% | | | 13,50 | 16,87 | 30,0% | 16,87 |
| | | | | | | | | | | | | |
| | 2. Tập đoàn Hòa chất | 1078,5 | 471,7 | 3,8 | 461,3 | 3,2 | 461,3 | 3,2 | 657,9 | 461,3 | 3,2 | 657,9 |
| 1 | Công ty TNHH Hóa dầu Long Sơn | 99,21 | 99,21 | 11% | 99,21 | 11% | 99,21 | 11% | 115,93 | 99,21 | 11% | 115,93 |
| 2 | Công ty Phân bón Việt Nhật | 50,49 | 50,49 | 18,92% | 50,49 | 18,92% | 50,49 | 18,92% | 111 | 50,49 | 18,92% | 111 |
| 3 | CTCP SX & TM Phương Đông | 20,23 | 10,20 | 50,4% | 10,20 | 50% | 10,20 | 50% | 36,716 | 10,20 | 50% | 36,716 |
| 4 | CTCP CN Hóa chất vi sinh | 16,335 | 8,33 | 51,0% | 8,33 | 51% | 8,33 | 51% | 60,81 | 8,33 | 51% | 60,81 |

| Stt | Tên DN | Vốn điều lệ DN (tỷ đồng) | Vốn nhà nước | | Kế hoạch bán vốn | | 8 tháng năm 2015 | | Tháng 9 năm 2015 | | Lấy kể 9 tháng năm 2015 | | |
|-----------------------------|---|--------------------------|-------------------|----------|-------------------|----------|-------------------|----------|--------------------------|-------------------|-------------------------|--------------------------|--------|
| | | | Giá trị (tỷ đồng) | % Vốn DL | Giá trị (tỷ đồng) | % Vốn DL | Giá trị (tỷ đồng) | % Vốn DL | Giá trị thu về (tỷ đồng) | Giá trị (tỷ đồng) | % Vốn DL | Giá trị thu về (tỷ đồng) | |
| 6. Tập đoàn Điện Lực | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Công ty tài chính cổ phần Điện lực | 2500,0 | 1000,0 | 40,0% | 625,0 | 25,0% | 587,5 | 23,5% | 593,4 | 587,5 | 23,5% | 593,4 | |
| 7. TD Viễn thông QĐ | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Công ty CP Phát triển Thương mại Vinaconex | | 2654,8 | 70,0% | 60,0 | 70,0% | 60,0 | 70,0% | 3168,8 | 2654,8 | 70,0% | 60,0 | |
| 2 | Công ty TNHH phát triển nhà Viettel Hancic | | 142,4 | 0,7 | 142,4 | 0,7 | 142,4 | 0,7 | 143,9 | 142,4 | 0,7 | 143,9 | |
| 3 | Công ty CP Phát triển đô thị Vinaconex - Hancic | | 2407,5 | 80,3% | 2407,5 | 80,3% | 2407,5 | 80,3% | 2889,00 | 2407,5 | 80,3% | 2889,00 | |
| 4 | Công ty CP Công nghệ Viettel | | 33,4 | 64,4% | 33,4 | 64,4% | 33,4 | 64,4% | 64,38 | 33,4 | 64,4% | 64,38 | |
| 5 | CTCP Thủy điện Sông Ba Hạ | 922,3 | 11,5 | 1,2% | 11,5 | 1,2% | 11,5 | 1,2% | 11,52 | 11,5 | 1,2% | 11,52 | |
| 8. Tập đoàn Dệt May | | | | | | | | | | | | | |
| | Ngân hàng TMCP Kỹ thương VN | | 341,3 | 2,1 | 2,1 | 2,1 | 2,1 | 2,1 | 379,6 | 340,0 | 2,1 | 379,6 | |
| | Công ty Tài chính CP Dệt VN | | 334,7 | 334,7 | 334,7 | 334,8 | 334,8 | 374,86 | 334,8 | 334,8 | 374,86 | 334,8 | |
| | Quý Dầu tư VN | | 4,5 | 4,5 | 4,5 | 3,10 | 3,10 | 3,10 | 3,10 | 3,10 | 3,10 | 3,10 | |
| 9. Tập đoàn TKV | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | CTCP Phát triển đường cao tốc BIDV | 1500,0 | 22,5 | 1,5% | 22,5 | 1,5% | 22,5 | 1,5% | 22,5 | 22,5 | 1,5% | 22,5 | |
| | | 1500,0 | 22,5 | 1,5% | 22,5 | 1,5% | 22,5 | 1,5% | 22,50 | 22,5 | 1,5% | 22,50 | |
| C. ĐỊA PHƯƠNG | | | | | | | | | | | | | |
| I. Bình Dương | | | | | | | | | | | | | |
| | | 149,89 | 502,55 | | 647,81 | | 282,60 | | 405,26 | | 282,60 | | 405,26 |
| 1 | CTCP Khổng sơn Becamex | 71,1 | 126,8 | | 126,8 | | 126,8 | | 136,9 | | 126,8 | | 136,9 |
| 2 | CTCP Tư vấn XD tổng hợp | 60,0 | 44,8 | 74,7% | 44,8 | 74,7% | 44,8 | 74,7% | 49,28 | 44,8 | 74,7% | 49,28 | |
| 3 | CTCP XD giao thông thủy lợi | 5,1 | 1,1 | 21,4% | 1,1 | 21,4% | 1,1 | 21,4% | 1,57 | 1,1 | 21,4% | 1,57 | |
| 4 | CTCP KD và DT Bình Dương | 6,0 | 0,5 | 9,0% | 0,5 | 9,0% | 0,5 | 9,0% | 1,65 | 0,5 | 9,0% | 1,65 | |
| | | | 80,4 | 30,0% | 80,4 | 30,0% | 80,4 | 30,0% | 84,40 | 80,4 | 30,0% | 84,40 | |
| 2. Đồng Nai | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | CTCP Thẩm định giá Đồng Nai | 3,8 | 149,5 | | 103,3 | | 103,3 | | 202,1 | | 103,3 | | 202,1 |
| 2 | CTCP Bvien Quốc tế Đ Nai | 3,8 | 1,4 | 36,0% | 0,04 | 1,0% | 0,04 | 1,0% | 0,05 | 0,04 | 1,0% | 0,05 | |
| 3 | CTCP Điện cơ Đ Nai | | 18,0 | 15,0% | 12,60 | 10,5% | 12,60 | 10,5% | 15,53 | 12,60 | 10,5% | 15,53 | |
| 4 | CTCP TV XD Đồng Nai | | 3,7 | 44,0% | 0,89 | 10,6% | 0,89 | 10,6% | 1,65 | 0,89 | 10,6% | 1,65 | |
| | | | 3,0 | 30,4% | 3,0 | 30,4% | 3,0 | 30,4% | 4,25 | 3,0 | 30,4% | 4,25 | |

| Stt | Tên DN | Vốn điều lệ DN (Tỷ đồng) | Vốn nhà nước | | Kế hoạch bán vốn | | 8 tháng năm 2015 | | | | Tháng 9 năm 2015 | | | | Lũy kế 9 tháng năm 2015 | | | |
|-----|--|--------------------------------|----------------------|-------------|----------------------|-------------|----------------------|-------------|----------------------|-------------|----------------------|-------------|----------------------|-------------|-------------------------|-------------|----------------------|-------------|
| | | | Giá trị (tỷ đồng) | % Vốn ĐL | Giá trị (tỷ đồng) | % Vốn ĐL | Giá trị (tỷ đồng) | % Vốn ĐL | Giá trị (tỷ đồng) | % Vốn ĐL | Giá trị (tỷ đồng) | % Vốn ĐL | Giá trị (tỷ đồng) | % Vốn ĐL | Giá trị (tỷ đồng) | % Vốn ĐL | Giá trị (tỷ đồng) | % Vốn ĐL |
| 5 | Cty Sách và TB trường học Đ.Nai | 18,2 | 9,3 | 50,8% | 9,3 | 50,8% | 9,3 | 50,8% | 11,45 | | | | | 9,3 | 50,8% | 11,45 | | |
| 6 | CTCP Cơ khí Đồng Nai | 6,4 | 2,3 | 35,9% | 2,3 | 35,9% | 2,3 | 35,9% | 3,32 | | | | | 2,3 | 35,9% | 3,32 | | |
| 7 | CTCP Amata Việt Nam | 366,0 | 109,8 | 30,0% | 73,2 | 20,0% | 73,2 | 20,0% | 163,31 | | | | | 73,2 | 20,0% | 163,31 | | |
| 8 | CTCP Phát hành sách Đ.Nai | 4,0 | 2,0 | 51,0% | 2,0 | 51,0% | 2,0 | 51,0% | 2,58 | | | | | 2,0 | 51,0% | 2,58 | | |
| | 3. Quảng Bình | 3,1 | 2,8 | | 2,8 | | 2,8 | | 2,8 | | | | | 2,8 | | 2,8 | | |
| 1 | Cty Lễ Ninh-QG (bán nhà VP Đ. Năng) | 3,1 | 2,8 | 90,3% | 2,8 | 90,0% | 2,8 | 90,0% | 2,80 | | | | | 2,8 | 90,0% | 2,80 | | |
| | 4. Điện Biên | 19,3 | 13,3 | | 204,7 | | 204,7 | | 18,3 | | | | | 10,8 | | 18,3 | | |
| 1 | CTCP Dược Vật tư y tế | 1,8 | 0,9 | 51,0% | 192,3 | 51,0% | 192,3 | 51,0% | 0,97 | | | | | 0,9 | 51,0% | 0,97 | | |
| 2 | CTCP Mới trường đồ thị và XD | 8,5 | 7,0 | 82,7% | 7,0 | 82,7% | 7,0 | 82,7% | 14,37 | | | | | 7,0 | 82,7% | 14,37 | | |
| 3 | CTCP XD số 2 | 5,0 | 2,8 | 56,1% | 2,8 | 56,1% | 2,8 | 56,1% | 2,93 | | | | | 2,8 | 56,1% | 2,93 | | |
| 4 | CTCP TV Đầu tư XD | 4,0 | 2,5 | 63,0% | 2,5 | 63,0% | 2,5 | 63,0% | 0,02 | | | | | 0,02 | 0,8% | 0,02 | | |
| | 5. Tiền Giang | | 180,0 | | 180,0 | | 180,0 | | 8,7 | | | | | 8,7 | | 8,7 | | |
| 1 | Cty XS kiến thiết T.Giang đầu tư vào Cty con | | 180,0 | | 180,0 | | 180,0 | | 8,70 | | | | | 8,7 | | 8,70 | | |
| | 6. Bình Định | 52,5 | 30,1 | | 30,1 | | 30,1 | | 36,4 | | | | | 30,1 | | 36,4 | | |
| 1 | CTCP Vật tư KTNB Bình Định | 52,5 | 30,1 | 57,4% | 30,1 | 57,4% | 30,1 | 57,4% | 36,42 | | | | | 30,1 | 57,4% | 36,42 | | |
| 250 | Tổng cộng | 41.235,3 | 13.038,4 | | 9.374,6 | | 8.390,9 | | 12.384,0 | | | | | 297,3 | | 8.688,2 | | 12.788,8 |

Giá trị số sách (tỷ đồng)

Giá trị thu về (tỷ đồng)

Thoái vốn tại các Lĩnh vực như sau:

- 1 Bất động sản: 2.690,3
- 2 Bảo hiểm: 17,5
- 3 Chứng khoán: 22,3
- 4 Tài chính: 1.250,1
- 5 Ngân hàng: 70,0
- 6 Bán vốn tại DN nhà nước không cần nắm giữ: 4.638,1
- 7 5 lĩnh vực nhạy cảm (1+2+3+4+5) là: 4.050,2

3.177,3

21,1

22,5

1.307,2

60,2

8.200,6

4.588,3

**BAN CHỈ ĐẠO ĐỔI MỚI VÀ
PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP**

Thái
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 145 / BĐMDN
V/v kiến nghị của các Bộ, ngành,
địa phương, tập đoàn kinh tế,
tổng công ty nhà nước

Hà Nội, ngày 28 tháng 9 năm 2015

Kính gửi:

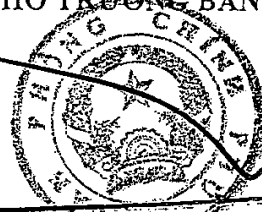
- Bộ Tài chính;
- Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp xin chuyển các vướng mắc, kiến nghị của 16 Bộ, ngành, địa phương, tập đoàn kinh tế (phụ lục kèm theo) nêu tại báo cáo tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước 8 tháng đầu năm 2015 đến các Bộ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nghiên cứu xử lý, trả lời theo thẩm quyền và báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện./:

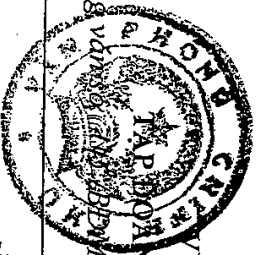
Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ, PTTg Vũ Văn Ninh;
- Các Bộ: Công Thương, VHTT&DL, XD, Y tế;
- UBND các tỉnh, TP: Hải Phòng, TP Đà Nẵng, Bình Dương, Quảng Bình, Bắc Giang, Bắc Ninh, Lào Cai, Sơn La;
- Các Tập đoàn: Dệt may, Điện lực, Bưu chính viễn thông;
- TCT Đầu tư và KD vốn nhà nước;
- VPCP: BTCN, PCN Lê Mạnh Hà;
- Ban Chỉ đạo Đổi mới và PTDN;
- Lưu: VT, BĐMDN (3b). 51

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN THƯỜNG TRỰC



[Signature]
PHÓ CHỦ NHIỆM VPCP
Lê Mạnh Hà



TRƯỜNG MẮC CỦA CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG
TẬP ĐOÀN, TỔNG CÔNG TY NHÀ NƯỚC TRONG TÀI CƠ CẤU DNNN
(Kèm theo công văn số 116/BC-UBND ngày 25/8/2015 của Ban Chỉ đạo Đối mới và Phát triển doanh nghiệp)

| STT | Nội dung vướng mắc | Đơn vị gặp vướng mắc | Thẩm quyền giải quyết | Ghi c |
|-----|--|----------------------|-----------------------|-------|
| 1 | Đề nghị phân cấp thẩm quyền xử lý Quy hoạch sắp xếp và cổ phần hóa DNNN đối với địa phương cho các khoản chi như: Trợ cấp tiền BHXH đối với doanh nghiệp khi sắp xếp thua lỗ kéo dài, đầu tư vốn cho các DN 100% vốn nhà nước thực hiện các sản phẩm dịch vụ công (công văn số 191/BC-UBND ngày 24/8/2015) | Hải Phòng | Bộ Tài chính | |
| 2 | Hoàn thiện và quy định chi tiết hơn về các định mức tài chính khi cổ phần hóa doanh nghiệp (công văn số 201/UBND-KTTH ngày 17/8/2015) | Bắc Ninh | Bộ Tài chính | |
| 3 | Không định giá lại tài sản là con đường của dự án BOT khi XDGTĐN để cổ phần hóa, do dự án BOT sau thời gian quản lý khai thác sẽ bàn giao lại cho Nhà nước (công văn số 116/BC-UBND ngày 25/8/2015) | Bình Dương | Bộ Tài chính | |
| 4 | Khoản 7 Điều 18 Thông tư số 127/2014/TT-BTC không quy định đối với trường hợp lợi thế đem lại lợi nhuận cao cho công ty, nhưng sau cổ phần hóa không còn thì có được xem xét loại trừ khỏi giá trị doanh nghiệp hay không? Đề nghị loại khỏi giá trị doanh nghiệp đối với trường hợp này (công văn số 116/BC-UBND ngày 25/8/2015). | Bình Dương | Bộ Tài chính | |
| 5 | Đề nghị có chính sách hỗ trợ, đầu tư về khoa học công nghệ cao ứng dụng cho lĩnh vực nông, lâm nghiệp (công văn số 1017/UBND-KTN ngày 25/8/2015) | Quảng Bình | Bộ KH-CN | |
| 6 | Đề nghị có quy định hỗ trợ địa phương bổ sung vốn điều lệ cho các Công ty TNHH MTV do tình quản lý có số vốn điều lệ thấp, không đáp ứng được yêu cầu từ nguồn thu được của các công ty cổ phần sau khi thực hiện thoái vốn nhà nước (công văn số 326/BC-SKHDT ngày 21/8/2015) | Bắc Giang | Bộ Tài chính | |
| 7 | Đề nghị ban hành văn bản hướng dẫn hướng xử lý tiếp theo đối với các trường hợp đầu giá/ bán thõa thuận lần 2 không thành công (công văn số 213/VNPT-HDĐT-TCCL ngày 25/8/2015) | TĐ Bưu chính VT | Bộ Tài chính | |
| 8 | Đề nghị sửa đổi bổ sung các quy định về chi phí cổ phần hóa, cần có cơ chế chính sách để giúp các doanh nghiệp có quy mô lớn thực hiện thuế tư vấn tìm kiếm đối tác chiến lược, quảng bá không chỉ trong nước đề thu hút các nhà đầu tư chiến lược (công văn số 8778/BCT-TCCL ngày 21/8/2015) | Bộ Công Thương | Bộ Tài chính | |

| TT | Nội dung vướng mắc | Đơn vị gặp vướng mắc | Thẩm quyền giải quyết | Ghi chú |
|----|---|---|----------------------------------|---------|
| 9 | <p>Đề nghị cho phép xây dựng cơ chế tính tiền thuê nhà, đất (miễn giảm tiền thuê nhà, đất) có tính đến đặc thù của các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xuất bản (công văn số 3541/BVHTTDL-KHTC ngày 24/8/2015)</p> | <p>Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch</p> | <p>Bộ Tài chính</p> | |
| 10 | <p>ĐỐI với các khoản đầu tư có giá trị nhỏ (dưới 1 tỷ đồng) thì không nhất thiết phải thuê tổ chức có chức năng thẩm định giá trị xác định giá khởi điểm để đầu giá mà nên giao cho chủ sở hữu quyết định trên cơ sở không thấp hơn giá trị sổ sách của khoản đầu tư trừ đi số đã trích lập dự phòng (nếu có) (công văn số 1843/BXD-QLDN ngày 20/8/2015)</p> | <p>Bộ Xây dựng</p> | <p>Bộ Tài chính</p> | |
| 11 | <p>Đề nghị sớm ban hành sửa đổi, bổ sung Nghị định số 59/2011/NĐ-CP, trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Cho phép DN cổ phần hóa được giữ lại Quỹ dự phòng giám giá các khoản nợ phải thu khi xác định giá trị doanh nghiệp + Loại trừ các khoản phải thu về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp không còn khả năng thu hồi + Sử dụng lợi nhuận bình quân của 5 - 10 năm trước khi cổ phần hóa để tính lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp + Người đại diện phần vốn của Công ty mẹ tại doanh nghiệp khác mà chưa được mua cổ phần ưu đãi tại doanh nghiệp đó thì được mua cổ phần ưu đãi tại Công ty mẹ khi cổ phần hóa + Có hướng dẫn cụ thể hơn phương pháp định giá đối với các khoản đầu tư vào doanh nghiệp chưa niêm yết, doanh nghiệp bị sản giao dịch hủy niêm yết phù hợp với thị trường + Hướng dẫn trình tự, thủ tục tìm kiếm, lựa chọn nhà đầu tư chiến lược (công văn số 1843/BXD-QLDN ngày 20/8/2015) | <p>Bộ Xây dựng</p> | <p>Bộ Tài chính</p> | |
| 12 | <p>Kiến nghị Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước có hướng dẫn cụ thể hơn về việc triển khai Nghị quyết 15 và Quyết định 51,</p> | <p>SCIC</p> | <p>Bộ Tài chính, NHNN VN</p> | |
| 13 | <p>Đề nghị được quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa các doanh nghiệp công ích (công văn số 6928/UBND-KTN ngày 01/9/2015)</p> | <p>Đà Nẵng</p> | <p>Bộ Tài chính</p> | |
| 14 | <p>Đề nghị khi định giá lại các khoản đầu tư tài chính, đầu tư chứng khoán đối với cổ phiếu chưa niêm yết được lấy số liệu tại Báo cáo tài chính quý, năm gần nhất với thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần; Đề nghị điều chỉnh gia hạn thời gian hoàn thành việc lập báo cáo tài chính, kiểm toán báo cáo tài chính lên 60 ngày (Điều 10.4 Thông tư 127/2011/TT-BTC) (công văn số 6544/BYT-KHTC ngày 04/9/2015)</p> | <p>Bộ Y tế</p> | <p>Bộ Tài chính</p> | |

Nội dung vướng mắc

| STT | Nội dung vướng mắc | Đơn vị gặp vướng mắc | Thẩm quyền giải quyết | Ghi c |
|-----|--|----------------------|-----------------------|-------|
| 15 | Đề nghị điều chỉnh và tách biệt trường hợp không tiến hành kiểm tra quyết toán thuế thành 2 nguyên nhân: do chủ quan thi xử lý theo quy định tại Điều 52.3 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP, khách quan thi xử lý theo quy định đối với trường hợp chưa hoàn thành kiểm tra quyết toán thuế (Công văn số 6544/BYT-KHTC ngày 04/9/2015) | Bộ Y tế | Bộ Tài chính | |
| 16 | Đề nghị xem lại nội dung công bố thông tin tại công văn 2660/BTC-UBCK cho việc thoái vốn thông qua đấu giá cổ phần, để có thể đẩy nhanh tiến độ thoái vốn (9244/TBDMVN-TCKT ngày 21/8/2015). | TĐ Dệt may | Bộ Tài chính | |
| 17 | Đề nghị có văn bản hướng dẫn việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của Người đại diện vốn nhà nước theo quy định tại Luật số 69/2014/QH13 (9244/TBDMVN-TCKT ngày 21/8/2015). | TĐ Dệt may | Bộ Tài chính | |
| 18 | Đề nghị sớm ban hành hướng dẫn Nghị định 63/2015/NĐ-CP ngày 22/7/2015 của Chính phủ Quy định chính sách đối với người lao động dời dư khi sắp xếp lại công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu. | Lào Cai | Bộ LĐTB&XH | |
| 19 | Hoàn thiện hệ thống pháp quy quy định chế độ tiền lương (công văn số 201/UBND-KTTH ngày 17/8/2015). | Bắc Ninh | Bộ LĐTB&XH | |
| 20 | Sớm có văn bản hướng dẫn Nghị định số 118/2014/NĐ-CP về sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp trong lĩnh vực xử lý lao động dời dư (công văn số 553/BC-SKHDT ngày 21/8/2015). | Sơn La | Bộ LĐTB&XH | |
| 21 | Ban hành Quyết định sửa đổi, thay thế Quyết định số 37/2014/QĐ-TTg (công văn số 553/BC-SKHDT ngày 21/8/2015). | Sơn La, Lào Cai | Bộ KHDT | |
| 22 | Hỗ trợ kinh phí khoán quản lý, bảo vệ rừng mà các công ty lâm nghiệp đã thực hiện năm 2014, đồng thời sớm thực hiện việc giao kế hoạch khoán quản lý, bảo vệ rừng tự nhiên hiện có của các công ty lâm nghiệp kể từ năm 2015 trở đi | Lào Cai | Bộ NN&PTNT | |
| 23 | Về cơ chế thoái vốn tại các Tổ chức tín dụng, Ngân hàng Nhà nước có công văn số 1821/NHNN-TTGSNH về việc thoái vốn của DNNN tại các tổ chức tín dụng cổ phần. Tuy nhiên, Công văn này chỉ hướng dẫn các DNNN (trường hợp nắm giữ trên 5% vốn điều lệ) phối hợp với tổ chức tín dụng lựa chọn đối tác nhận chuyển nhượng, lập hồ sơ theo quy định tại Thông tư số 06; chưa có chỉ đạo cụ thể về cách thức mà DNNN phải thực hiện để thoái vốn tại Ngân hàng thương mại như tổ chức đấu giá, hay bán thỏa thuận hay đề nghị "NHNN xem xét tiếp nhận hoặc chỉ định một hoặc một số NHTM Nhà nước; xem xét mua lại theo phương án được TTG phê duyệt" (điểm a khoản 1 Điều 61 Nghị quyết 51) (công văn số 234/BC-EVN ngày 21/8/2015) | TĐ Điện lực | Ngân hàng Nhà nước | |